

VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

Phạm Thị Xuân Thi

**ÁP DỤNG CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ HÀNH CHÍNH
TẠI TÒA ÁN NHÂN DÂN, TỰ THỰC TIỄN TỈNH BẾN TRE**

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

HÀ NỘI – 2018

VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

Phạm Thị Xuân Thi

**ÁP DỤNG CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ HÀNH CHÍNH
TẠI TÒA ÁN NHÂN DÂN, TỰ THỰC TIỄN TỈNH BẾN TRE**

Chuyên ngành: Luật Hiến pháp và Luật Hành chính

Mã số: 8 38 01 02

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:

PGS.TS. LƯƠNG THANH CƯỜNG

HÀ NỘI - 2018

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình do tôi tự nghiên cứu; các số liệu trong Luận văn có cơ sở rõ ràng và trung thực. Kết luận của luận văn không trùng lặp các công trình có liên quan đã được công bố.

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2018

Tác giả luận văn

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
Chương 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ PHÁP LÝ VỀ ÁP DỤNG CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ HÀNH CHÍNH TẠI TÒA ÁN NHÂN DÂN.....	9
1.1. Khái quát về các biện pháp xử lý hành chính	9
1.2. Khái niệm, đặc điểm, thẩm quyền, thủ tục áp dụng các biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án nhân dân	12
1.3. Các yếu tố tác động đến áp dụng các biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án nhân dân	33
Chương 2: THỰC TRẠNG ÁP DỤNG CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ HÀNH CHÍNH TẠI TÒA ÁN NHÂN DÂN Ở TỈNH BẾN TRE TỪ NĂM 2014 - 2017	39
2.1. Khái quát tình hình vi hành chính tại tỉnh Bến Tre	39
2.2. Tình hình áp dụng các biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án nhân dân ở tỉnh Bến Tre	43
2.3. Nhận xét về áp dụng các biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án nhân dân ở tỉnh Bến Tre	45
Chương 3: ĐỊNH HƯỚNG, GIẢI PHÁP BẢO ĐẢM ÁP DỤNG CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ HÀNH CHÍNH TẠI TÒA ÁN NHÂN DÂN	58
3.1. Định hướng bảo đảm áp dụng các biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án nhân dân	58
3.2. Giải pháp nâng cao chất lượng áp dụng các biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án nhân dân	64
KẾT LUẬN	75
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	
PHỤ LỤC	

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

ADPL	: Áp dụng pháp luật
BCT	: Bộ Chính trị
BPXLHC	: Biện pháp xử lý hành chính
CP	: Chính phủ
CT	: Chỉ thị
ĐCS	: Đảng cộng sản
KL	: Kết luận
KSV	: Kiểm sát viên
NN	: Nhà Nước
PL	: Pháp luật
TANDTC	: Toà án nhân dân tối cao
TP	: Thẩm phán
VKSND	: Viện kiểm sát nhân dân
XHCN	: Xã hội chủ nghĩa

DANH MỤC CÁC BẢNG BIỂU

Bảng 2.1: Thống kê số người bị Tòa án nhân dân cấp huyện tỉnh Bến Tre áp dụng các biện pháp xử lý hành chính

Bảng 2.2: Thống kê về độ tuổi và giới tính nhân thân của người bị Tòa án nhân dân cấp huyện tỉnh Bến Tre áp dụng các biện pháp xử lý hành chính

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Như chúng ta đã biết Tòa án nhân dân là một cơ quan trong hệ thống tổ chức bộ máy nhà nước của nước Cộng hòa XHCN Việt Nam và trong quá trình xây dựng NN pháp quyền XHCN ở nước ta hiện nay, về lĩnh vực tổ chức, hoạt động của NN, Đảng đã chủ trương phải thực hiện đồng bộ ba cuộc cải cách: cải cách tư pháp, cải cách pháp luật, cải cách hành chính. Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 [5] đã xác định rõ nhiệm vụ của cải cách tư pháp là bảo đảm để Tòa án là trung tâm và xét xử là hoạt động trọng tâm. Điều đó khiến đa phần người dân khi nhắc đến Tòa án là nghĩ ngay đến việc Tòa án là cơ quan nhân danh nhà nước để xét xử các vụ án.

Cách hiểu đó tuy không sai nhưng có một phần chưa đầy đủ vì sau khi Luật xử lý vi phạm hành chính đã được Quốc hội nước Cộng hòa XHCN Việt Nam thông qua năm 2012, có hiệu lực từ 01/7/2013. Luật này quy định hai nội dung chủ yếu là xử phạt vi phạm hành chính và áp dụng các biện pháp xử lý hành chính. Theo đó sẽ có 04 biện pháp xử lý hành chính gồm: Biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn; biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng; biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc và biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc. Kể từ ngày 01.01.2014 thì các quy định liên quan đến việc áp dụng các biện pháp xử lý hành chính do Tòa án nhân dân xem xét, quyết định. So với Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính năm 2002 thì Luật Xử lý vi phạm hành chính có nhiều quy định mới về hình thức xử lý, thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính, thủ tục xử phạt và thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính cũng như mức xử phạt. Và một trong những điểm mới quan trọng của Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 là quy định về các biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án nhân dân xem xét, quyết định. Trong đó, Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh có thẩm quyền quyết định áp dụng 03 trên 04 biện pháp xử

lý hành chính, gồm: Biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng; biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc và biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc. Xét về bản chất thì các biện pháp xử lý hành chính do Tòa án nhân dân xem xét, quyết định áp dụng nêu trên là những biện pháp mang tính cưỡng chế nhà nước, trực tiếp ảnh hưởng đến quyền cơ bản của công dân, trong đó có quyền của người chưa thành niên. Người bị áp dụng các biện pháp xử lý hành chính này ít nhiều bị hạn chế tự do và một số quyền lợi khác. Vì vậy, việc áp dụng các biện pháp này cần phải được thực hiện theo một trình tự, thủ tục chặt chẽ, dân chủ, công khai, bảo đảm khách quan, chính xác theo đúng tinh thần “các cơ quan tư pháp phải thật sự là chỗ dựa của nhân dân trong việc bảo vệ công lý, quyền con người” đã được khẳng định tại Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02 tháng 6 năm 2005 của Bộ Chính trị.

Điều 106 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 quy định: “Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định trình tự, thủ tục Tòa án nhân dân xem xét, quyết định việc áp dụng các biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng, đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc” [30]. Để thi hành quy định này, ngày 20 tháng 01 năm 2014 Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã thông qua Pháp lệnh trình tự, thủ tục xem xét, quyết định áp dụng các biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án nhân dân [46].

Trải qua thực tiễn áp dụng các biện pháp xử lý hành chính của ngành Tòa án trên cả nước nói chung đang đặt ra nhiều vấn đề cấp bách liên quan đến việc bảo vệ quyền, tự do của đối tượng bị áp dụng biện pháp hành chính; vấn đề công khai minh bạch trong quá trình xem xét, áp dụng biện pháp xử lý hành chính...; Địa phương tỉnh Bến Tre là nơi với tình hình vi phạm pháp luật diễn biến ngày càng phức tạp, số vụ vi phạm pháp luật hành chính do Tòa án nhân dân giải quyết ngày càng nhiều. Vì vậy, việc nghiên cứu để áp dụng các biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án nhân dân có ý nghĩa hết sức quan trọng trong tiến trình cải cách tư pháp hiện nay.

Từ những lý do trên học viên chọn Đề tài ***“Áp dụng các biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án nhân dân, từ thực tiễn tỉnh Bến Tre”*** làm luận văn Thạc sĩ luật học là có tính cấp thiết, thời sự khoa học và thực tiễn.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Mặc dù đầu những năm 1990 của thế kỷ 20 đã có một số nhà khoa học ở Việt Nam nghiên cứu các đề tài về xử lý hành chính. Riêng đề tài về áp dụng pháp các biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án nhân dân thì có rất ít nhà khoa học nghiên cứu về vấn đề này, một mặt do đây là một lĩnh vực mới mẻ của ngành Tòa án, vì phải đến khi Luật xử lý hành chính năm 2012 của Việt Nam có hiệu lực pháp luật thì lĩnh vực này mới bắt đầu thu hút sự chú ý quan tâm của các nhà khoa học. Do vậy khi thực hiện luận văn chỉ nghiên cứu, tham khảo một số đề tài khoa học sau:

**** Các đề tài nghiên cứu cấp Bộ, luận án tiến sĩ luật và luận văn thạc sĩ luật như***

- Đề tài nghiên cứu cấp Bộ: *“Các biện pháp xử lý hành chính khác và việc bảo đảm quyền con người”* do Vụ Pháp luật Hình sự - Hành chính, Bộ Tư pháp thực hiện năm 2008 [8].

- Đề tài khoa học cấp Bộ *“Cơ chế bảo đảm thi hành Luật xử lý vi phạm hành chính”* do Vụ Pháp luật Hình sự Hành chính, Bộ Tư pháp thực hiện năm 2012 [11].

- *“Báo cáo đánh giá về các biện pháp xử lý hành chính khác và khuyến nghị hoàn thiện trong Luật xử lý vi phạm hành chính”* do Dự án tăng cường tiếp cận quyền và bảo vệ công lý tại Việt Nam thực hiện năm 2010 [9].

- *“Báo cáo hoàn thiện các biện pháp xử lý hành chính khác trong Luật xử lý vi phạm hành chính”* do Dự án tăng cường tiếp cận quyền và bảo vệ công lý tại Việt Nam thực hiện năm 2011 [10].

- Đề tài nghiên cứu cấp Bộ: *“Các biện pháp xử lý hành chính khác và việc bảo đảm quyền con người”* của giả Đặng Thanh Sơn, Bộ Tư Pháp là chủ biên năm 2009 [37].

- Luận án phó tiến sĩ: *“Chế tài hành chính – Lý luận và thực tiễn”*, của tác giả Vũ Thư, Viện Nhà nước và Pháp luật, năm 1996 (từ năm 1998 đổi thành tiến sĩ) [40].

- Luận văn thạc sĩ luật: *“Hoàn thiện các quy định pháp luật về các hình thức xử phạt vi phạm hành chính”*, của tác giả Nguyễn Trọng Bình, Trường Đại học Luật Hà Nội, năm 2002 [3].

- Luận văn thạc sĩ luật học: *“Hoàn thiện pháp luật về xử lý hành chính với người chưa thành niên”*, của tác giả Nguyễn Ngọc Bích, Trường Đại học Luật Hà Nội, năm 2003 [2].

- Luận văn thạc sĩ luật học: *“Pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính: lý luận và thực tiễn”*, của tác giả Bùi Tiến Đạt, Khoa luật, Đại học quốc gia Hà Nội, năm 2008 [23].

- Luận văn thạc sĩ luật học: *“Các biện pháp xử lý hành khác theo quy định của pháp luật Việt Nam hiện nay”*, của tác giả Nguyễn Thị Hà, Đại học luật Hà Nội, năm 2012 [24].

- Luận văn thạc sĩ luật học: *“Từ biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở chữa bệnh đến biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc”*, của tác giả Phạm Tiến Thành, Khoa luật, Đại học quốc gia Hà Nội, năm 2014 [39].

- Luận văn thạc sĩ luật học: *“Bảo đảm quyền con người trong áp dụng các biện pháp xử lý hành chính”*, của tác giả Dương Thị Bích Hạnh, Khoa luật, Đại học quốc gia Hà Nội, năm 2014 [25].

Các công trình nghiên cứu trên đây, đã đưa ra một số vấn đề lý luận cũng như thực tiễn của việc xử phạt vi phạm hành chính đồng thời cũng đã đề cập đến một số khía cạnh của các biện pháp XLHC khác như: đưa vào Cơ sở chữa bệnh; đưa vào trường giáo dưỡng; biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn, kèm theo đó là vấn đề đảm bảo quyền con người khi áp dụng các biện xử lý hành chính...

*** Các công trình nghiên cứu đăng trên các báo, tạp chí như**

- Bài viết “*Về các biện pháp xử lý hành chính khác: Thực tiễn và giải pháp*” của tác giả Hoàng Thị Kim Quế, đăng trên Tạp chí Khoa học, Đại học Quốc gia Hà Nội, Kinh tế - Luật 24 (2008) [27].

- Bài viết “*Quyền công dân, quyền con người và chỗ đứng của các biện pháp xử lý hành chính khác trong pháp luật về vi phạm hành chính*”, của tác giả Trần Thanh Hương, đăng trên Tạp chí Dân chủ và pháp luật 11/2005 [26].

- Bài viết “*Hoàn thiện các biện pháp xử lý hành chính khác theo pháp luật Việt Nam*” của tác giả Lê Ngọc Thạch, Viện Khoa học pháp lý Bộ Tư pháp, Thông tin chuyên đề số 1 (2006) [38].

- Bài viết “*Biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh trong Dự thảo Luật Xử lý vi phạm hành chính*”, của tác giả Đào Thị Thu An đăng trong Tạp chí Nghiên cứu lập pháp số 20/2011 [1].

Để nghiên cứu và thực hiện Luận văn “***Áp dụng các biện pháp xử lý hành chính tại tòa án nhân dân, từ thực tiễn tỉnh Bến Tre***”, học viên đã tham khảo, kế thừa có chọn lọc kết quả của các công trình nghiên cứu khoa học đã được công bố trên đây và tham khảo thêm nhiều công trình nghiên cứu có liên quan khác.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích nghiên cứu

Mục đích luận văn là đưa ra các giải pháp bảo đảm áp dụng các biện pháp xử lý hành chính từ thực tiễn Tòa án nhân dân ở tỉnh Bến Tre.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để đạt được mục đích nghiên cứu nêu trên, luận văn có các nhiệm vụ:

- Nghiên cứu cơ sở lý luận, cơ sở pháp lý về việc áp dụng các biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án nhân dân: trong đó tập trung làm rõ khái niệm, đặc điểm và nội dung các biện pháp xử lý hành chính; những vấn đề chung về việc áp dụng các biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án nhân dân.

- Đánh giá công tác áp dụng các biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre trong giai đoạn 2014 - 2017, tìm ra nguyên nhân dẫn đến

những bất cập trong áp dụng các biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án nhân dân.

- Đưa ra giải pháp bảo đảm áp dụng các biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án nhân dân, từ thực tiễn tỉnh Bến Tre.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Luận văn nghiên cứu những vấn đề lý luận, pháp lý, thực tiễn và có liên quan đến việc áp dụng các biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án nhân dân.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

- Luận văn nghiên cứu sâu vào việc áp dụng các biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án nhân dân và các quy định của pháp luật có liên quan đến việc xử lý hành chính theo pháp luật Việt Nam gắn với địa bàn tỉnh Bến Tre.

- Về thời gian: Luận văn nghiên cứu thực tiễn công tác áp dụng các biện pháp xử lý vi phạm hành chính tại Tòa án nhân dân từ thực tiễn tỉnh Bến Tre, giai đoạn 2014 - 2017 và những văn bản quy phạm pháp luật về xử lý hành chính trong khoảng thời gian từ năm 2002 đến năm 2017.

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

5.1. Phương pháp luận

Luận văn sử dụng các phương pháp luận của Chủ nghĩa duy vật biện chứng, Chủ nghĩa duy vật lịch sử và dựa trên cơ sở nghiên cứu những quan điểm của Chủ nghĩa Mác-Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh; quan điểm của Đảng Cộng Sản Việt Nam về Nhà nước và Pháp luật; nhất là các quan điểm, chủ trương của Đảng về cải cách tư pháp đến năm 2020 và hệ thống các quan điểm của Đảng, Nhà nước xử lý người vi phạm pháp luật nói chung và người vi phạm pháp luật hành chính nói riêng.

5.2. Phương pháp nghiên cứu

Chương 1 của luận văn, học viên sử dụng các phương pháp nghiên cứu cụ thể như phân tích, tổng hợp, so sánh đối chiếu, suy luận logic được sử dụng nhằm

lý giải các vấn đề lý luận, giúp cho mỗi vấn đề được nhìn nhận từ nhiều góc độ, thấy được những điểm hợp lý và chưa hợp lý của các quan điểm, quan niệm đưa ra trong luận văn, từ đó đưa ra được kết luận có tính khoa học và nổi bật về vấn đề.

Chương 2 của luận văn, các phương pháp thống kê, phương pháp tổng kết thực tiễn cũng được sử dụng có hiệu quả để từ những số liệu, tình hình thực tế cụ thể thống kê được có thể phân tích, tổng kết thấy được bức tranh toàn diện về thực trạng pháp luật và thực tiễn áp dụng biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án nhân dân ở tỉnh Bến Tre.

Chương 3 của luận văn, trên cơ sở áp dụng các phương pháp nghiên cứu ở Chương 1 và Chương 2, học viên đề kết hợp với các tư tưởng, quan điểm chỉ đạo của Đảng và Nhà nước đưa ra một số giải pháp đảm bảo thực hiện đúng và nâng cao chất lượng công tác áp dụng các biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án nhân dân ở tỉnh Bến Tre.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận văn

6.1. Về ý nghĩa lý luận

Luận văn góp phần làm rõ thêm lý luận về áp dụng các biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án nhân dân.

6.2. Về ý nghĩa thực tiễn

- Luận văn sẽ là một tài liệu tham khảo cần thiết và bổ ích dành cho không chỉ các nhà lập pháp mà còn cho các nhà nghiên cứu, các cán bộ giảng dạy pháp luật. Kết quả nghiên cứu của luận văn còn phục vụ cho việc trang bị những kiến thức chuyên sâu cho các cán bộ hỗ trợ tư pháp, kiểm sát viên và thẩm phán đang công tác tại các cơ quan: Công an, Viện kiểm sát, Tòa án trong quá trình áp dụng các biện pháp xử lý hành chính được khách quan, có căn cứ và đúng pháp luật.

- Những giải pháp luận văn đưa ra có giá trị tham khảo cho các cơ quan, tổ chức trong xây dựng, phát triển hoàn thiện pháp luật bảo đảm thực hiện chính sách pháp luật đối với người vi phạm pháp luật hành chính hiện nay trong điều kiện đổi mới, phát triển ổn định, bền vững và hội nhập quốc tế.

- Luận văn có giá trị tham khảo cho việc hoạch định chính sách và pháp luật về hoàn thiện pháp luật bảo đảm thực hiện nguyên tắc, chính sách pháp luật trong việc áp dụng các biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án nhân dân.

7. Kết cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, luận văn gồm 3 chương

Chương 1: Những vấn đề lý luận về áp dụng các biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án nhân dân

Chương 2: Thực trạng áp dụng các biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án nhân dân ở tỉnh Bến tre giai đoạn 2014 đến nay

Chương 3: Quan điểm và giải pháp nâng cao chất lượng áp dụng các biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án nhân dân ở tỉnh Bến Tre

Chương 1

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ PHÁP LÝ VỀ ÁP DỤNG CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ HÀNH CHÍNH TẠI TÒA ÁN NHÂN DÂN

1.1. Khái quát về các biện pháp xử lý hành chính

1.1.1. Khái niệm biện pháp xử lý hành chính

Tại kỳ họp thứ 3 của Quốc hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam khóa XIII, ngày 20 tháng 6 năm 2012 đã thông qua Luật xử lý vi phạm hành chính đầu tiên của nhà nước ta và có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2013. Riêng các quy định liên quan đến việc áp dụng các biện pháp xử lý hành chính do Tòa án nhân dân xem xét, quyết định thì có hiệu lực kể từ ngày 1/1/2014. Tại Điều 1 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 quy định về phạm vi điều chỉnh thì: *“Luật này quy định về xử phạt vi phạm hành chính và các biện pháp xử lý hành chính”*, như vậy có nghĩa là *“xử lý vi phạm hành chính”* được cấu thành bởi hai nội dung cơ bản là biện pháp *“xử phạt vi phạm hành chính”* và biện pháp *“xử lý hành chính”*.

Trong đó tại Điều 2 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 đã giải thích:

“1. Vi phạm hành chính là hành vi có lỗi do cá nhân, tổ chức thực hiện, vi phạm quy định của pháp luật về quản lý nhà nước mà không phải là tội phạm và theo quy định của pháp luật phải bị xử phạt vi phạm hành chính.

2. Xử phạt vi phạm hành chính là việc người có thẩm quyền xử phạt áp dụng hình thức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả đối với cá nhân, tổ chức thực hiện hành vi vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính.

3. Biện pháp xử lý hành chính là biện pháp được áp dụng đối với cá nhân vi phạm pháp luật về an ninh, trật tự, an toàn xã hội mà không phải là tội phạm, bao gồm biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn; đưa vào trường giáo dưỡng; đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc và đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc”[30].

Khi đi sâu nghiên cứu những quy định của pháp luật xử lý vi phạm hành chính Việt Nam hiện hành, cho thấy biện pháp xử lý hành chính là một trong nhóm biện pháp cưỡng chế hành chính. Vì nó là biện pháp xử lý do Luật xử lý vi phạm hành chính quy định được áp dụng đối với các cá nhân thực hiện hành vi trái pháp luật trong quản lý nhà nước, các biện pháp đó do các chủ thể có thẩm quyền trong quản lý nhà nước tiến hành và nó được tiến hành theo thủ tục hành chính nhằm mục đích xử lý nghiêm khắc những đối tượng vi phạm giữ vững trật tự quản lý nhà nước, cụ thể:

Xét về phương diện lý luận:

Cưỡng chế hành chính là tổng hợp các biện pháp do luật hành chính quy định mà nhà nước áp dụng để tác động một cách trực tiếp hoặc gián tiếp lên tâm lý, tư tưởng và hành vi của cá nhân hoặc tổ chức, buộc các chủ thể đó phải thực hiện các nghĩa vụ pháp lý nhằm mục đích phòng ngừa, ngăn chặn hoặc xử lý những hành vi trái pháp luật, đảm bảo trật tự và kỷ luật trong quản lý nhà nước [26].

Tính cưỡng chế của các biện pháp xử lý hành chính được thể hiện ở chỗ cơ quan, người có thẩm quyền sẽ áp dụng những biện pháp có tính chất nghiêm khắc, buộc người vi phạm phải gánh chịu những hậu quả bất lợi hạn chế quyền tự do cá nhân trong một thời gian nhất định hoặc lên án, giáo dục về mặt tinh thần, nhân cách. Khi bị áp dụng các biện pháp xử lý hành chính khác, cá nhân đó sẽ buộc phải học tập, lao động, chữa bệnh... dưới sự giám sát của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong một thời hạn nhất định ... Việc áp dụng các biện pháp xử lý hành chính do các chủ thể có thẩm quyền áp dụng. Các chủ thể có thẩm quyền ở đây phải được trao quyền lực nhà nước, nhân danh nhà nước để thực hiện việc tổ chức và áp dụng các biện pháp xử lý hành chính đối với người vi phạm hành chính. Quyết định áp dụng các biện pháp xử lý hành chính được ban hành đơn phương, nhưng có tính bắt buộc thi hành đối với người bị áp dụng và được nhà nước bảo đảm thi hành. Với tư cách là một biện pháp cưỡng chế hành

chính, biện pháp xử lý hành chính được phân biệt với các biện pháp cưỡng chế pháp lý khác chủ yếu ở các phương diện nội dung cưỡng chế, mục đích cưỡng chế, chủ thể bị cưỡng chế, thủ tục và thẩm quyền áp dụng.

Từ những phân tích đánh giá nêu trên, theo học viên thì biện pháp xử lý hành chính là *“biện pháp cưỡng chế hành chính bắt buộc của nhà nước được áp dụng đối với cá nhân vi phạm pháp luật về an ninh, trật tự, an toàn xã hội mà không phải là tội phạm, bao gồm biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn; đưa vào trường giáo dưỡng; đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc và đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc”*

1.1.2. Các biện pháp xử lý hành chính

Theo quy định tại của pháp luật hiện hành, ở nước ta hiện nay có 4 biện pháp xử lý hành chính bao gồm:

1- Biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn. Đây là biện pháp xử lý hành chính được áp dụng đối với một số đối tượng do pháp luật quy định (Điều 90 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012) để giáo dục, quản lý họ tại nơi cư trú trong trường hợp nhận thấy không cần thiết phải cách ly họ khỏi cộng đồng.

2 - Biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng. Đây là biện pháp xử lý hành chính áp dụng đối với người có hành vi vi phạm pháp luật (quy định tại Điều 92 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012) nhằm mục đích giúp họ học văn hóa, học nghề, lao động, sinh hoạt dưới sự quản lý, giáo dục của nhà trường.

3 - Biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc. Là biện pháp xử lý hành chính áp dụng đối với người có hành vi vi phạm pháp luật (được quy định tại Điều 94 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012) để lao động, học văn hóa, học nghề, sinh hoạt dưới sự quản lý của cơ sở giáo dục bắt buộc.

4 - Biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc là biện pháp xử lý hành chính áp dụng đối với người có hành vi vi phạm pháp luật (được quy định tại Điều 96 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012) để chữa bệnh, lao động, học văn hóa, học nghề dưới sự quản lý của cơ sở cai nghiện bắt buộc [30].

1.2. Khái niệm, đặc điểm, thẩm quyền, thủ tục áp dụng các biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án nhân dân

1.2.1. Khái niệm áp dụng các biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án nhân dân

Áp dụng các biện pháp xử lý hành chính nói chung, áp dụng các biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án nhân dân nói riêng trong thụ lý giải quyết vụ việc vi phạm hành chính hoạt động áp dụng pháp luật của Tòa án nhân dân.

1.2.1.1. Khái niệm áp dụng pháp luật

Về mặt lý luận, ADPL là một trong những hình thức quan trọng của việc thực hiện pháp luật. Bản chất của thực hiện pháp luật là quá trình hoạt động của con người có tổ chức, có chủ ý bao hàm những hành vi hợp pháp phù hợp với những quy định, những yêu cầu của pháp luật. Thực hiện pháp luật tồn tại ở bốn dạng sau: Tuân thủ pháp luật, chấp hành pháp luật, sử dụng pháp luật và ADPL.

- *Tuân thủ pháp luật*: Là một trong các hình thức của thực hiện pháp luật, là việc các chủ thể tự kiểm chế, kiểm soát mình để không thực hiện những hành vi mà pháp luật cấm.

- *Chấp hành pháp luật*: Là một trong các hình thức của thực hiện pháp luật, trong đó có chủ thể thực hiện các nghĩa vụ pháp lý của mình một cách tự giác và tích cực.

- *Sử dụng pháp luật*: Là một trong các hình thức của thực hiện pháp luật, trong đó các chủ thể pháp luật sử dụng quyền năng pháp lý để bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

- *Áp dụng pháp luật*: Là một trong các hình thức của thực hiện pháp luật, là hoạt động của các cơ quan Nhà nước, nhân viên Nhà nước có thẩm quyền tổ chức thực hiện pháp luật, tạo điều kiện thuận lợi để các chủ thể quan hệ pháp luật thực hiện được quyền và nghĩa vụ pháp lý của mình theo quy định của pháp luật. [25]

Thông qua hoạt động ADPL, hệ thống pháp luật được tôn trọng, thực thi

một cách nghiêm minh và thống nhất; các quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ thể tham gia quan hệ pháp luật được thực hiện và bảo vệ trên thực tế; các hành vi vi phạm pháp luật và tội phạm được xử lý một cách công bằng, nghiêm minh, kịp thời để bảo vệ trên các lĩnh vực khác nhau của đời sống xã hội. ADPL là một dạng thực hiện pháp luật quan trọng, hoạt động ADPL có thể thực hiện trong các trường hợp sau:

Thứ nhất, khi cần áp dụng các biện pháp cưỡng chế bằng những chế tài thích hợp đối với chủ thể có hành vi vi phạm pháp luật. Đây là trường hợp phổ biến đối với các vi phạm hành chính, các tội phạm hình sự...

Thứ hai, khi các quyền chủ thể và nhiệm vụ pháp lý cụ thể không mặc nhiên phát sinh, thay đổi, chấm dứt nếu không có sự tác động của Nhà nước.

Thứ ba, khi xảy ra tranh chấp về quyền chủ thể và nghĩa vụ pháp lý giữa các bên tham gia quan hệ pháp luật mà các bên không tự giải quyết được, đòi hỏi các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền can thiệp bằng hoạt động ADPL để giải quyết các tranh chấp đó.

Thứ tư, trong trường hợp Nhà nước thấy cần thiết phải tham gia để kiểm tra, giám sát đối với các quan hệ pháp luật quan trọng hoặc Nhà nước xác nhận sự tồn tại hay không tồn tại của một số sự việc, sự kiện thực tế như công chứng hợp đồng, chứng thực bản sao...

Từ những phân tích trên, theo học viên thì: *“Áp dụng pháp luật là một hình thức thực hiện pháp luật trong đó Nhà nước thông qua các cơ quan có thẩm quyền hoặc nhà chức trách tổ chức cho các chủ thể pháp luật thực hiện những quy định của pháp luật, hoặc tự mình căn cứ vào các quy định của pháp luật ra các quyết định áp dụng trong những trường hợp cụ thể của đời sống xã hội”*.

1.2.1.2. Khái niệm áp dụng các biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án nhân dân

Các biện pháp xử lý hành chính của Luật xử lý vi phạm hành chính Việt Nam năm 2012 hiện hành có nguồn gốc ban đầu là biện pháp cưỡng chế hành

chính đặc biệt, xuất phát từ Nghị quyết 49 năm 1961 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Nghị quyết này quy định việc đưa vào các trung tâm giáo dục cải tạo đối với người có hành động nguy hại cho xã hội, được giáo dục nhiều lần, nhưng không hối cải, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ra quyết định và Bộ trưởng Bộ Công an duyệt với thời hạn 3 năm mà không cần thông qua việc xét xử của cơ quan Tư pháp - Tòa án. Những biện pháp này giành cho những người chống đối chế độ biểu hiện qua những hành vi như: gián điệp, mật thám, nguy quân, nguy quyền, cốt cán đảng phái phản động... Biện pháp tập trung giáo dục cải tạo, ngoài những đối tượng nói trên, cũng được áp dụng cho những người có những hành vi phạm như lưu manh, trộm cắp, lừa đảo.

Theo Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính năm 1995 các biện pháp cưỡng chế hành chính đặc biệt được xếp vào nhóm biện pháp xử lý vi phạm hành chính khác [43].

Đến Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính năm 2002 đã được sửa đổi, bổ sung theo hướng nhân đạo hơn nhằm tạo điều kiện cho người vi phạm sớm hoà nhập cộng đồng:

Tại Điều 1 Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính năm 2002 quy định: *"Các biện pháp xử lý hành chính khác được áp dụng đối với cá nhân có hành vi vi phạm pháp luật về an ninh, trật tự, an toàn xã hội nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự được quy định tại các điều 23, 24, 25, 26 của Pháp lệnh này"* [44].

Các biện pháp xử lý hành chính khác được xem là biện pháp cưỡng chế hành chính đặc biệt, sở dĩ được xem là đặc biệt vì nó khác các biện pháp cưỡng chế hành chính thông thường khác như đã phân tích trên và nó mang những đặc trưng về mức độ nghiêm khắc cao hơn so với các biện pháp cưỡng chế hành chính thông thường. Về thực chất biện pháp xử lý hành chính khác hạn chế quyền tự do cá nhân trong một giai đoạn nhất định với hình thức như đưa vào trường giáo dưỡng, đưa vào cơ sở giáo dục, đưa vào cơ sở chữa bệnh, không

thua kém các biện pháp tư pháp hình sự về tính chất khắc nghiệt, trừng phạt; hoặc biện pháp có tính chất tác động xã hội cao như giáo dục tại xã, phường, thị trấn. Nhóm biện pháp này có đặc trưng là thời gian cưỡng chế dài từ ba tháng đến hai năm, người bị áp dụng phải chịu sự giám sát và quản lý chặt chẽ của các cơ quan hành chính nhà nước, tổ chức xã hội, các đoàn thể... Đối tượng bị áp dụng các biện pháp này cũng đa dạng và đặc biệt hơn.

Cho đến ngày 01 tháng 01 năm 2014, Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 có hiệu lực hoàn toàn. So với Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính năm 2002 thì Luật Xử lý vi phạm hành chính có nhiều quy định mới về hình thức xử lý, thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính, thủ tục xử phạt và thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính cũng như mức xử phạt. Và một trong những điểm mới quan trọng của Luật Xử lý vi phạm hành chính là quy định về các biện pháp xử lý hành chính do Tòa án nhân dân xem xét, quyết định.

Theo quy định tại Phần thứ ba của Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 thì có 04 biện pháp xử lý hành chính, bao gồm: biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn; biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng; biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc và biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc. Trong đó, Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh có thẩm quyền quyết định áp dụng các biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng, đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc. Xét về bản chất thì các biện pháp xử lý hành chính do Tòa án nhân dân xem xét, quyết định áp dụng nêu trên là những biện pháp mang tính cưỡng chế nhà nước, trực tiếp ảnh hưởng đến quyền cơ bản của công dân, trong đó có quyền của người chưa thành niên. Người bị áp dụng các biện pháp xử lý hành chính này ít nhiều bị hạn chế tự do và một số quyền lợi khác. Vì vậy, việc áp dụng các biện pháp này cần phải được thực hiện theo một trình tự, thủ tục chặt chẽ, dân chủ, công khai, bảo đảm khách quan, chính xác theo đúng tinh thần “các cơ quan tư pháp phải thật sự là chỗ dựa của nhân dân trong việc bảo vệ công lý, quyền con người” đã được khẳng định tại Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02 tháng 6 năm 2005 của Bộ Chính trị [5].

Điều 106 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 quy định: “Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định trình tự, thủ tục Tòa án nhân dân xem xét, quyết định việc áp dụng các biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng, đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc”. Để thi hành quy định này, ngày 20/1/2014 Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã thông qua Pháp lệnh số 09 về trình tự, thủ tục xem xét, quyết định áp dụng các biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án nhân dân [46].

Từ những phân tích đánh giá nêu trên (mục 1.1.1, 1.2.1.1 và 1.2.1.2), theo học viên thì khái niệm áp dụng các biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án nhân dân:

“Áp dụng các biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án nhân dân là một hình thức thực hiện pháp luật do cơ quan Tòa án nhân dân (thực hiện thông qua Thẩm phán là người được Nhà nước trao quyền) tuân thủ những quy định của Luật xử lý vi phạm hành chính và Pháp lệnh trình tự, thủ tục xem xét, quyết định áp dụng các biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án nhân dân để quyết áp dụng biện pháp cưỡng chế hành chính bắt buộc với cá nhân vi phạm pháp luật về an ninh, trật tự, an toàn xã hội mà không phải là tội phạm, bao gồm biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng; đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc và đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc”

1.2.2. Đặc điểm áp dụng các biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án nhân dân

1.2.2.1. *Áp dụng các biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án nhân dân là quá trình cá biệt hoá các quy phạm pháp luật hành chính đối với hành vi vi phạm hành chính.*

Theo nguyên tắc của Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 và Pháp lệnh số 09 năm 2014 quy định về trình tự, thủ tục xem xét, quyết định áp dụng các biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án nhân dân thì việc xác định sự thật khách quan của hồ sơ đề nghị xử lý vi phạm hành chính thuộc trách nhiệm của

các cơ quan có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính trong đó có Tòa án.

Xác định sự thật khách quan của hồ sơ xử lý hành chính bao gồm các việc như xác định các giai đoạn của quá trình thực hiện hành vi vi phạm hành chính từ khi bắt đầu cho tới khi kết thúc; xác định hành vi đó là hành động hay không hành động?, hành vi vi phạm pháp luật đó thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật xử lý vi phạm hành chính hay thuộc phạm vi xử lý của Luật hình sự... Nếu không thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật hình sự (không cấu thành tội phạm), thì sẽ áp dụng Luật xử lý vi phạm hành chính để xử lý, người vi phạm hành chính vi phạm điều luật nào, khoản nào, mức hình nào hoặc áp dụng biện pháp xử lý hành chính nào mới tương xứng với hành vi vi phạm pháp luật? Đồng thời khi nghiên cứu hồ sơ xử lý vi phạm hành chính, những người có thẩm quyền như Trưởng Công an huyện, Thẩm phán ... cần xác định hành vi phạm vi phạm hành chính trên thực tế và đối chiếu với quy định của Luật xử lý hành chính để xem xét áp dụng một trong ba biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án nhân dân, gồm: Đưa vào trường giáo dưỡng; đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc và đưa vào cai nghiện bắt buộc.

Tại phiên họp để xem xét việc áp dụng các biện pháp xử lý hành chính Thẩm phán phải lựa chọn quy phạm pháp luật nội dung (Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012) và quy phạm pháp luật hình thức (Pháp lệnh trình tự, thủ tục xem xét, quyết định áp dụng các biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án nhân dân) phù hợp để áp dụng và xem xét việc đưa ra biện pháp xử lý hành chính đối với người thực hiện hành vi vi phạm hành chính. Từ đó làm cơ sở cho những người Thẩm phán lựa chọn quy phạm pháp luật nội dung, quy phạm pháp luật hình thức để quyết định biện pháp xử lý hành chính đúng pháp luật. Để thực hiện áp dụng biện pháp xử lý hành chính đúng, thì các chủ thể áp dụng biện pháp xử lý hành chính phải có kiến thức pháp lý, có kinh nghiệm thực tiễn và có sự hiểu biết rộng về các lĩnh vực khác nhau của đời sống xã hội.

1.2.2.2. Áp dụng các biện pháp xử lý vi phạm hành chính tại Tòa án nhân dân là hoạt động nhân danh quyền lực Nhà nước do Tòa án nhân dân tiến hành mà trực tiếp là Thẩm phán

Thẩm phán Tòa án nhân dân phải căn cứ vào các chứng cứ tài liệu mà cơ quan lập hồ sơ đề nghị xử lý vi phạm hành chính (Công an hoặc Ủy ban nhân dân ...) đã thu thập được và kết quả thẩm tra tại phiên họp để ra quyết định áp dụng một trong ba biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án nhân dân đối với người vi phạm hành chính được khách quan, chính xác, đúng pháp luật nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Nhà nước, của công dân.

1.2.2.3. Hoạt động áp dụng các biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án nhân dân trong giải quyết hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp xử lý hành chính được thực hiện chủ yếu tại phiên họp tại Tòa án nhân dân nhằm xem xét, đánh giá chứng cứ thu thập được trong quá trình lập hồ sơ đề nghị xem xét việc áp dụng các biện pháp xử lý một cách khách quan, toàn diện và đầy đủ.

Theo quy định của Luật xử lý hành chính năm 2012 và Pháp lệnh số 09 năm 2014 về trình tự, thủ tục xem xét, quyết định áp dụng các biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án nhân dân, hoạt động áp dụng các biện pháp xử lý hành chính của Tòa án nhân dân được tiến hành tại phiên họp tại trụ sở của Tòa án nhân dân nơi thụ lý hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp xử lý hành chính. Điều đó thể hiện uy quyền của Nhà nước Cộng hòa XHCN Việt Nam, mà cơ quan đại diện là Tòa án nhân dân. Bởi lẽ, phiên tòa họp xem xét áp dụng các biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án nhân dân không chỉ là nơi thể hiện sự tôn nghiêm của pháp luật mà còn là nơi quần chúng Nhân dân, các cơ quan Báo chí, Đài phát thanh truyền hình trực tiếp chứng kiến các quyền tự do, dân chủ của công dân, của Nhà nước được bảo đảm thực hiện; các quyền và nghĩa vụ hợp pháp của Nhà nước, của công dân, các tổ chức được pháp luật bảo vệ, công bằng xã hội được thực hiện triệt để, nghiêm túc.

Phiên họp xem xét việc áp dụng các biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án

nhân dân được diễn ra dưới sự chủ trì của Thẩm phán. Tại đây, người bị đề nghị áp dụng biện pháp xử lý có quyền công khai trình bày ý kiến về việc mình bị đề nghị áp dụng biện pháp xử lý hành chính là đúng hay sai và có quyền đưa ra chứng cứ và tham gia tranh luận bảo vệ quyền và nghĩa vụ hợp pháp của mình ... Những người tham gia phiên họp còn phải chấp hành nghiêm chỉnh nội quy phiên họp, nếu vi phạm thì tùy theo mức độ sẽ bị Thẩm phán xử lý theo quy định của pháp luật. Thông qua phiên họp tại Tòa án nhân dân, các cơ quan công luận đã tham gia việc giám sát trực tiếp đối với cơ quan Tòa án trong việc áp dụng các biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án nhân dân, đây cũng chính là cơ sở xem xét, đánh giá chất lượng công tác áp dụng các biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án nhân dân nói chung và khả năng, trình độ, năng lực người Thẩm phán nói riêng.

Vì vậy, để đảm bảo cho một quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án nhân dân đạt hiệu quả, đúng pháp luật đòi hỏi Thẩm phán phải tuân thủ chặt chẽ các quy định của pháp luật, có tâm huyết với nghề Tòa án nói chung và uy tín của từng cá nhân Thẩm phán nói riêng.

1.2.2.4. Áp dụng các biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án nhân dân là hoạt động áp dụng pháp luật được tiến hành theo một trình tự, thủ tục xem xét chặt chẽ.

Pháp lệnh số 09 năm 2014 về trình tự, thủ tục xem xét, quyết định áp dụng các biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án nhân dân đã quy định rất chặt chẽ trình tự thủ tục và cách thức tiến hành các hoạt động xem xét áp dụng các biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án nhân dân buộc cơ quan Tòa án mà đại diện là Thẩm phán phải tuân thủ triệt để các quy định đó khi tổ chức phiên họp xem xét áp dụng các biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án nhân dân.

Các quan hệ phát sinh trong quá trình tổ chức phiên họp đều phải được dự tính trước những vấn đề có thể xảy ra như: việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ của các chủ thể tham gia phiên họp như việc: Vắng mặt của người bị đề nghị áp

dụng biện pháp xử hành chính hoặc không có mặt của đại diện Viện kiểm sát ... Nếu Tòa án vi phạm các trình tự, thủ tục phiên họp do pháp luật quy định thì bị coi là vi phạm nghiêm trọng Pháp lệnh trình tự, thủ tục xem xét, quyết định áp dụng các biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án nhân dân và có thể dẫn đến việc quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án nhân dân sẽ không được công nhận và sẽ bị Viện kiểm sát nhân dân kiến nghị Tòa án cấp trên xem xét hủy bỏ...

Do vậy quá trình tổ chức phiên họp, Thẩm phán phải tuân thủ triệt để các quy định của Pháp lệnh số 09 năm 2014 về trình tự, thủ tục xem xét, quyết định áp dụng các biện pháp xử lý vi phạm hành chính tại Tòa án nhân dân. Đây chính là việc áp dụng các quy phạm pháp luật hình thức được quy định trong Pháp lệnh số 09. Việc áp dụng đúng các quy định nêu trên giúp cho các quyền và nghĩa vụ của công dân được bảo đảm thực hiện một cách nghiêm chỉnh; các bước tiến hành trình tự, thủ tục được chính xác, khách quan; các quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính tại của Tòa án bảo đảm đúng pháp luật.

1.2.3. Nội dung áp dụng các biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án nhân dân

Áp dụng các biện pháp xử lý hành chính có nhiều nội dung khác nhau như xác định vi phạm hành chính, lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp xử lý hành chính và quyết định các áp dụng biện pháp xử lý hành chính. Áp dụng các biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án nhân dân là giai đoạn cơ bản quan trọng được thực hiện sau khi Tòa án xác định một người thực hiện hành vi vi phạm pháp luật nhưng chưa đến mức phạm tội hình sự chỉ cần áp dụng các biện pháp xử lý hành chính là đủ răn đe, giáo dục, phòng ngừa vi phạm pháp luật. Do vậy áp dụng biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án nhân dân có đầy đủ nội dung của áp dụng pháp luật, cụ thể như sau:

- Tòa án xác định các tình tiết của hồ sơ vi phạm hành chính liên quan đến áp dụng các biện pháp xử lý hành chính. Đó là các tình tiết làm căn cứ cho việc

áp dụng các biện pháp xử lý hành chính như các tình tiết thể hiện tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi hành chính, các tình tiết thuộc nhân thân người vi phạm hành chính Ngoài ra, Thẩm phán phải xác định các tình tiết khác để quyết định có áp dụng các biện pháp xử lý hành chính hay không.

- Tòa án nhận thức hiệu lực và quy định của Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 liên quan đến áp dụng các biện pháp xử lý vi phạm hành chính tại Tòa án. Trong Luật xử lý vi phạm hành chính có rất nhiều quy định liên quan đến 04 biện pháp xử lý hành chính: *“Biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn; đưa vào trường giáo dưỡng; đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc và đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc”*. Nhưng Tòa án chỉ chỉ có thẩm quyền áp dụng 03 biện pháp xử lý hành chính, gồm: *“Đưa vào trường giáo dưỡng; đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc và đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc”*. Đó là các quy định về hệ thống các biện pháp xử lý hành chính mà Tòa án sẽ áp dụng.

- Tòa án lựa chọn biện pháp xử lý hành chính: Tòa án chỉ được áp dụng 1 trong 3 biện pháp xử lý vi phạm hành chính tại Tòa án nhân dân tương xứng với hành vi vi phạm hành chính, với độ tuổi và nhân thân của người vi phạm hành chính bị đề nghị xem xét áp dụng các biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án nhân dân.

- Tại phiên họp Tòa án ra phán quyết về việc áp dụng biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án nhân dân đối với người vi phạm hành chính bị đề nghị áp dụng biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án nhân dân.

1.2.4. Thẩm quyền, thủ tục áp dụng các biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án nhân dân

1.2.4.1. Thẩm quyền áp dụng các biện pháp xử lý hành chính

Theo quy định tại Điều 105 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 thì thẩm quyền quyết định áp dụng các biện pháp xử lý hành chính

“1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có thẩm quyền quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn.

2. Toà án nhân dân cấp huyện có thẩm quyền quyết định áp dụng các biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng, đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc” [30].

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có thẩm quyền quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn; Còn Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp huyện có quyền quyết định áp dụng 1 trong 3 biện pháp xử lý hành chính: *đưa vào trường giáo dưỡng, đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.*

Một trong những điểm mới quan trọng của Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 là quy định về các biện pháp xử lý hành chính do Tòa án nhân dân xem xét, quyết định. Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 quy định có 4 biện pháp xử lý hành chính, bao gồm: biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn (Điều 89); biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng (Điều 91); biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc (Điều 93); biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc (Điều 95). Trong đó theo khoản 2 Điều 105 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 quy định: *“Toà án nhân dân cấp huyện có thẩm quyền quyết định áp dụng các biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng, đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc” [30, tr.160].* Cũng theo quy định tại Điều 106 của Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012, thì: *“Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định trình tự, thủ tục Tòa án nhân dân xem xét, quyết định việc áp dụng các biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng, đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc” [30, tr.160].* Việc chuyển thẩm quyền xem xét, quyết định áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng, đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc và đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc từ Chủ tịch Ủy ban nhân dân sang Tòa án nhân dân là nội dung thay đổi rất lớn so với Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính năm 2002 (sửa đổi, bổ sung năm 2008) trước đây, phù hợp với xu hướng tiến bộ, dân chủ hiện nay. Việc giao cho Toà án nhân dân quyết định áp dụng các biện pháp xử lý vi phạm hành chính nêu trên theo thủ tục

tư pháp sẽ tạo điều kiện cho đương sự, luật sư, người bào chữa được tham dự để bảo vệ quyền lợi của đương sự, bảo đảm dân chủ, khách quan, phù hợp với quá trình hội nhập quốc tế.

Xét về bản chất thì các biện pháp xử lý hành chính do Tòa án nhân dân xem xét, quyết định áp dụng là những biện pháp mang tính cưỡng chế nhà nước, trực tiếp ảnh hưởng đến quyền cơ bản của công dân, trong đó có quyền của người chưa thành niên. Người bị áp dụng các biện pháp xử lý hành chính này ít nhiều bị hạn chế tự do và một số quyền lợi khác, vì vậy, việc áp dụng các biện pháp này cần phải được thực hiện theo một trình tự, thủ tục chặt chẽ, dân chủ, công khai, bảo đảm khách quan, chính xác theo đúng tinh thần “các cơ quan tư pháp phải thật sự là chỗ dựa của nhân dân trong việc bảo vệ công lý, quyền con người” đã được khẳng định tại Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02 tháng 6 năm 2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 [5].

1.2.4.2. Thủ tục áp dụng các biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án nhân dân

Trình tự, thủ tục xem xét, quyết định áp dụng các biện pháp xử lý hành chính theo quy định tại Pháp lệnh số 09 năm 2014 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội [46]. Khác với các biện pháp xử phạt vi phạm hành chính được pháp luật quy định đơn giản, nhanh chóng, biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án nhân dân được tiến hành một cách chặt chẽ, qua nhiều khâu xét duyệt với sự tham gia của nhiều cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền khác nhau. Bởi việc áp dụng các biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án nhân dân đối với các đối tượng vi phạm pháp luật ảnh hưởng trực tiếp đến quyền, tự do của mỗi cá nhân. Vì vậy, pháp luật cần phải quy định chính xác, minh bạch trong quá trình xử lý để vừa đảm bảo xử lý nghiêm những hành vi phạm pháp luật, đồng thời đảm bảo được quyền tự do dân chủ của công dân.

Pháp lệnh số 09/2014/UBTVQH về quy định trình tự, thủ tục xem xét, quyết định áp dụng các biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án nhân dân, gồm có

5 chương với 42 điều [46], quy định trình tự, thủ tục xem xét, quyết định áp dụng các biện pháp xử lý hành chính đưa vào trường giáo dưỡng, đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc tại Tòa án nhân dân; trình tự, thủ tục xem xét, quyết định việc hoãn, miễn chấp hành, giảm thời hạn, tạm đình chỉ hoặc miễn chấp hành phần thời gian áp dụng biện pháp xử lý hành chính còn lại; khiếu nại, kiến nghị. Nguyên tắc xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính do một thẩm phán thực hiện; khi xem xét, quyết định áp dụng các biện pháp xử lý hành chính, thẩm phán độc lập và chỉ tuân theo pháp luật; bảo đảm sự vô tư của những người tiến hành phiên họp; người bị đề nghị áp dụng biện pháp xử lý hành chính hoặc người đại diện hợp pháp của họ, cha mẹ hoặc người giám hộ của người bị đề nghị là người chưa thành niên có quyền dùng tiếng nói, chữ viết của dân tộc mình và phải có người phiên dịch; người bị đề nghị, cha mẹ hoặc người giám hộ của người bị đề nghị là người chưa thành niên có quyền tự mình hoặc nhờ luật sư, người khác bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; Tòa án bảo đảm quyền bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị đề nghị; bảo đảm quyền của người bị đề nghị được giải trình trước Tòa án, tranh luận với cơ quan đề nghị áp dụng biện pháp xử lý hành chính; bảo đảm quyền được xem xét theo hai cấp trong việc áp dụng biện pháp xử lý hành chính ... Tòa án có thẩm quyền xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính là Tòa án nhân dân cấp huyện nơi cơ quan đề nghị có trụ sở; Tòa án nhân dân cấp tỉnh có thẩm quyền xét lại quyết định của Tòa án nhân dân cấp huyện bị khiếu nại, kiến nghị, kháng nghị. Viện kiểm sát nhân dân kiểm sát việc tuân theo pháp luật của tòa án trong việc xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính, thực hiện quyền yêu cầu, kiến nghị, kháng nghị nhằm bảo đảm việc giải quyết kịp thời, đúng pháp luật thông qua việc tham gia các phiên họp; tham gia việc xét hoãn, miễn, giảm, tạm đình chỉ việc chấp hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính.

Quyết định của Tòa án nhân dân đã có hiệu lực pháp luật phải được thi hành và được cá nhân, cơ quan, tổ chức tôn trọng. Cá nhân, cơ quan, tổ chức hữu

quan phải chấp hành quyết định của Tòa án nhân dân và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc chấp hành đó. Có thể khẳng định rằng, với phạm vi điều chỉnh như trên, Pháp lệnh 09 năm 2014 [46] đã thể chế hóa các quan điểm, chủ trương, chính sách của Đảng về cải cách hệ thống hóa pháp luật, cải cách tư pháp và cải cách hành chính đã được xác định trong các nghị quyết, văn kiện của Đảng; bảo đảm trình tự, thủ tục xem xét, quyết định áp dụng các biện pháp xử lý hành chính chặt chẽ, nhanh gọn, khả thi nhằm tăng cường tính công khai, minh bạch, công bằng dân chủ trong quá trình xem xét, quyết định áp dụng các biện pháp xử lý hành chính bảo đảm quyền con người đặc biệt là quyền của người chưa thành niên trong quá trình xem xét, quyết định áp dụng các biện pháp xử lý hành chính. Đây là một vấn đề hoàn toàn mới, mang tính đột phá trong pháp luật Việt Nam, sự thay đổi về thẩm quyền này dẫn đến sự thay đổi lớn về quy trình áp dụng, đó là thủ tục xem xét, quyết định là thủ tục tư pháp và được tiến hành bằng phiên họp do một thẩm phán chủ trì; vấn đề này sẽ đảm bảo được tính thực thi do cuộc họp xem xét cũng giống như việc xem xét của Hội đồng tư vấn cấp huyện trước đây nhưng minh bạch hơn vì có sự tham gia của đại diện Viện kiểm sát cùng cấp, đại diện cơ quan đề nghị, người bị đề nghị, cha mẹ hoặc người giám hộ của người bị đề nghị là người chưa thành niên; người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị đề nghị.

Trong trường hợp xét thấy cần thiết, Tòa án nhân dân yêu cầu đại diện cơ quan lao động - thương binh và xã hội cấp huyện, người giám định, người phiên dịch, chuyên gia y tế, giáo dục, tâm lý, đại diện của nhà trường nơi người bị đề nghị là người chưa thành niên học tập, đại diện Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người bị đề nghị cư trú hoặc những người khác tham gia phiên họp để trình bày ý kiến về các vấn đề có liên quan. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày thụ lý hồ sơ đề nghị của cơ quan có thẩm quyền, thẩm phán công bố quyết định áp dụng hoặc không áp dụng biện pháp xử lý hành chính hoặc đình chỉ, tạm đình chỉ việc xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính; đối với vụ việc phức

tập, thời hạn này có thể kéo dài nhưng không quá 30 ngày. Tòa án phải thông báo việc thụ lý bằng văn bản cho cơ quan đề nghị, người bị đề nghị hoặc người đại diện hợp pháp của họ, cha mẹ hoặc người giám hộ của người bị đề nghị là người chưa thành niên và Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp. Văn bản thông báo phải có các nội dung như tên Tòa án nhân dân đã thụ lý hồ sơ; tên cơ quan đề nghị; họ và tên, địa chỉ của người bị đề nghị; biện pháp xử lý hành chính được đề nghị áp dụng... Kể từ ngày nhận được thông báo thụ lý cho đến thời điểm Tòa án nhân dân mở phiên họp, người bị đề nghị, cha mẹ hoặc người giám hộ của người bị đề nghị là người chưa thành niên, người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người bị đề nghị có quyền cung cấp tài liệu, chứng cứ cho tòa án đã thụ lý.

Việc cung cấp tài liệu, chứng cứ có thể được thực hiện tại Tòa án nhân dân hoặc gửi qua bưu điện. Thẩm phán yêu cầu cơ quan đề nghị bổ sung tài liệu, chứng cứ trong các trường hợp khi tài liệu chứng minh hành vi vi phạm của người bị đề nghị, tài liệu về nhân thân, tình trạng sức khỏe của người bị đề nghị chưa rõ hoặc có mâu thuẫn mà không thể bổ sung, làm rõ tại phiên họp; khi phát hiện có vi phạm nghiêm trọng trình tự, thủ tục đề nghị xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính.

Trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được tài liệu, chứng cứ bổ sung hoặc kể từ ngày hết thời hạn quy định mà cơ quan được yêu cầu không bổ sung tài liệu, chứng cứ, thẩm phán ra quyết định mở phiên họp xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính. Như đã trình bày trên đây, biện pháp xử lý hành chính là biện pháp được áp dụng đối với cá nhân vi phạm pháp luật về an ninh, trật tự, an toàn xã hội mà không phải là tội phạm, bao gồm biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn; đưa vào trường giáo dưỡng; đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc và đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc. Tòa án nhân dân cấp huyện có thẩm quyền quyết định áp dụng các biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng, đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc. Cụ thể:

- Biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng

Được quy định từ Điều 11 đến Điều 13 của Nghị định số 02/2014/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2014 của Chính Phủ.

Đưa vào trường giáo dưỡng là biện pháp xử lý hành chính áp dụng đối với người có hành vi vi phạm pháp luật như sau: Người từ đủ 12 tuổi đến dưới 14 tuổi thực hiện hành vi có dấu hiệu của một tội phạm đặc biệt nghiêm trọng do cố ý quy định tại Bộ Luật Hình sự; người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi thực hiện hành vi có dấu hiệu của một tội phạm rất nghiêm trọng do vô ý, quy định tại Bộ Luật Hình sự; người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi thực hiện hành vi có dấu hiệu của một tội phạm nghiêm trọng do cố ý, quy định tại Bộ Luật Hình sự mà trước đó đã bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn; người từ đủ 14 tuổi đến dưới 18 tuổi 02 lần trở lên trong 06 tháng thực hiện hành vi trộm cắp, lừa đảo, đánh bạc, gây rối trật tự công cộng mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự và trước đó đã bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn nhằm mục đích giúp họ học văn hóa, học nghề, lao động, sinh hoạt dưới sự quản lý, giáo dục của nhà trường.

Thời hạn áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng từ 06 tháng đến 24 tháng. Không áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng đối với các trường hợp sau đây: Người không có năng lực trách nhiệm hành chính; người đang mang thai có chứng nhận của bệnh viện; phụ nữ hoặc người duy nhất đang nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi được Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú xác nhận.

- Biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc

Đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc là biện pháp xử lý hành chính áp dụng đối với các đối tượng sau: người thực hiện hành vi xâm phạm tài sản của tổ chức trong nước hoặc nước ngoài; tài sản, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của công dân, của người nước ngoài; vi phạm trật tự, an toàn xã hội 02 lần trở lên trong 06 tháng nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự, đã bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn hoặc chưa bị áp dụng biện pháp này nhưng

không có nơi cư trú ổn định nhằm để người vi phạm lao động, học văn hóa, học nghề, sinh hoạt dưới sự quản lý của cơ sở giáo dục bắt buộc. Thời hạn áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc từ 06 tháng đến 24 tháng. Không áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc đối với các trường hợp sau: Người không có năng lực trách nhiệm hành chính; người chưa đủ 18 tuổi; nữ trên 55 tuổi, nam trên 60 tuổi; người đang mang thai có chứng nhận của bệnh viện; phụ nữ hoặc người duy nhất đang nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi được Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú xác nhận.

- Biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc

Đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc là biện pháp xử lý hành chính áp dụng đối với người có hành vi vi phạm nhằm để chữa bệnh, lao động, học văn hóa, học nghề dưới sự quản lý của cơ sở cai nghiện bắt buộc. Đối tượng áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc là người nghiện ma túy từ đủ 18 tuổi trở lên đã bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn mà vẫn còn nghiện hoặc chưa bị áp dụng biện pháp này nhưng không có nơi cư trú ổn định. Thời hạn áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc từ 12 tháng đến 24 tháng.

Không áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với các trường hợp sau: người không có năng lực trách nhiệm hành chính; người đang mang thai có chứng nhận của bệnh viện; phụ nữ hoặc người duy nhất đang nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi được Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú xác nhận.

- Thi hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính

Trong thời hạn 03 ngày, kể từ ngày quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính có hiệu lực, Tòa án nhân dân đã ra quyết định phải gửi cho người bị áp dụng, Trưởng Công an cấp huyện, quận và Trưởng phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện, quận nơi đã gửi hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp xử lý hành chính, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú và các cơ quan hữu

quan để thi hành theo quy định của pháp luật; quyết định áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng còn được gửi cho cha mẹ hoặc người đại diện hợp pháp của họ. Quyết định áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng hết thời hiệu thi hành sau 06 tháng, kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật. Đối với quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc và quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc hết thời hiệu thi hành sau 01 năm, kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật.

Trong trường hợp người phải chấp hành quyết định cố tình trốn tránh việc thi hành, thì thời hiệu được tính kể từ thời điểm hành vi trốn tránh chấm dứt. Người phải chấp hành quyết định nhưng chưa đưa vào trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc được hoãn chấp hành quyết định trong các trường hợp sau: đang ốm nặng có chứng nhận của bệnh viện; gia đình đang có khó khăn đặc biệt được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú xác nhận. Khi điều kiện hoãn chấp hành quyết định không còn thì quyết định được tiếp tục thi hành. Họ được miễn chấp hành quyết định trong các trường hợp sau: Mắc bệnh hiểm nghèo có chứng nhận của bệnh viện; trong thời gian hoãn chấp hành quyết định mà người đó có tiến bộ rõ rệt trong việc chấp hành pháp luật hoặc lập công hoặc không còn nghiện ma túy; đang mang thai có chứng nhận của bệnh viện. Tòa án nhân dân cấp huyện nơi đã ra quyết định áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng, đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc xem xét, quyết định việc hoãn hoặc miễn chấp hành trên cơ sở đơn đề nghị của người phải chấp hành quyết định hoặc người đại diện hợp pháp của họ; trong trường hợp cần thiết thì đề nghị cơ quan đã gửi hồ sơ có ý kiến trước khi quyết định.

Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 có hiệu lực từ ngày 01/7/2013 quy định chỉ có Tòa án nhân dân mới có thẩm quyền áp dụng các biện pháp hành chính là:

Đưa vào trường giáo dưỡng,

Đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc,

Đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với người có hành vi vi phạm hành chính [30].

Như vậy để áp dụng đúng các quy định của pháp luật, trước khi thụ lý vụ việc, Tòa án nhân dân cần phải kiểm tra điều kiện thụ lý bao gồm những nội dung sau:

Một là, về thẩm quyền giải quyết

Theo quy định khoản 2 Điều 105 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012, thẩm quyền quyết định áp dụng các biện pháp xử lý hành chính là Tòa án nhân dân cấp huyện (quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh) [30]. Còn tại Điều 3 của Pháp lệnh 09 năm 2014 thì trình tự, thủ tục xem xét, quyết định áp dụng các biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án nhân dân quy định rõ: *“Tòa án có thẩm quyền xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính là Tòa án nhân dân cấp huyện nơi cơ quan đề nghị có trụ sở. Tòa án nhân dân cấp tỉnh có thẩm quyền xét lại quyết định của Tòa án nhân dân cấp huyện bị khiếu nại, kiến nghị, kháng nghị”* [46].

Hai là, về chủ thể yêu cầu

Chủ thể yêu cầu là cơ quan nhà nước có thẩm quyền đề nghị Tòa án nhân dân áp dụng các biện pháp hành chính đối với người vi phạm. Theo quy định tại khoản 1 Điều 100 và khoản 1 Điều 102 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 thì Trưởng Công an cấp huyện có thẩm quyền đề nghị Tòa án nhân dân áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng, đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc đối với người vi phạm. Theo quy định tại khoản 1 Điều 104, Trưởng phòng Phòng Lao động - Thương binh và xã hội cấp huyện có thẩm quyền đề nghị Tòa án áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với người nghiện ma túy [30].

Ba là, về đối tượng bị yêu cầu

Tùy từng biện pháp xử lý hành chính bị đề nghị áp dụng đối với người vi phạm phải thỏa mãn các điều kiện khác nhau.

- Nếu đối tượng áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng là những người dưới 18 tuổi, thuộc các trường hợp cụ thể được quy định tại Điều 92, Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012:

“1. Người từ đủ 12 tuổi đến dưới 14 tuổi thực hiện hành vi có dấu hiệu của một tội phạm đặc biệt nghiêm trọng do cố ý quy định tại Bộ luật hình sự.

2. Người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi thực hiện hành vi có dấu hiệu của một tội phạm rất nghiêm trọng do vô ý quy định tại Bộ luật hình sự.

3. Người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi thực hiện hành vi có dấu hiệu của một tội phạm nghiêm trọng do cố ý quy định tại Bộ luật hình sự mà trước đó đã bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn.

4. Người từ đủ 14 tuổi đến dưới 18 tuổi 02 lần trở lên trong 06 tháng thực hiện hành vi trộm cắp, lừa đảo, đánh bạc, gây rối trật tự công cộng mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự và trước đó đã bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn” [30, tr.143].

- Nếu đối tượng áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc được quy định tại khoản 1 Điều 94, Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012: Là những người đã đủ 18 tuổi trở lên, đến 55 tuổi đối với nữ và 60 tuổi đối với nam. Là người thực hiện hành vi xâm phạm tài sản của tổ chức trong nước hoặc nước ngoài; tài sản, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của công dân, của người nước ngoài; vi phạm trật tự, an toàn xã hội 02 lần trở lên trong 06 tháng nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự, đã bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn hoặc chưa bị áp dụng biện pháp này nhưng không có nơi cư trú ổn định [30, tr.144].

- Nếu đối tượng áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc được quy định tại khoản 1 Điều 96, Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012: Đối tượng áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc là người nghiện ma túy từ đủ 18 tuổi trở lên đã bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn mà vẫn còn nghiện hoặc chưa bị áp dụng biện pháp này nhưng không có nơi cư trú ổn định [30, tr.145].

Bốn là, về thời hiệu áp dụng

Thời hiệu áp dụng biện pháp xử lý hành chính là khoảng thời gian do pháp luật quy định mà hết thời hạn đó thì không được áp dụng biện pháp xử lý hành chính với người vi phạm.

Theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 12 Pháp lệnh số 09/2014 về trình tự, thủ tục xem xét, quyết định áp dụng các biện pháp xử lý hành chính quy định: Thời hiệu áp dụng biện pháp xử lý hành chính được hướng dẫn theo quy định tại khoản 2 Điều 6 của Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012.

Tại khoản 2 Điều 6 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 quy định thời hiệu áp dụng các biện pháp xử lý hành chính, cụ thể như sau:

- Thời hiệu áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng

+ 01 năm kể từ ngày cá nhân thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 92 Luật xử lý vi phạm hành chính.

+ 06 tháng từ ngày cá nhân thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 3 Điều 92 hoặc kể từ ngày cá nhân thực hiện lần cuối một trong những hành vi vi phạm quy định tại khoản 4 Điều 92 Luật xử lý vi phạm hành chính [30].

- Thời hiệu áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục

Là 01 năm kể từ ngày cá nhân thực hiện lần cuối một trong các hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 94 Luật xử lý vi phạm hành chính [30].

- Thời hiệu áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc

Là 03 tháng kể từ ngày cá nhân thực hiện lần cuối hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 96 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012. Khoản 1 Điều 8 Luật xử lý vi phạm hành chính quy định cách tính thời hạn, thời hiệu trong xử lý vi phạm hành chính được áp dụng theo các quy định của Bộ luật dân sự (trừ một điều được Luật xử lý vi phạm hành chính quy định là ngày làm việc) [30].

Điều 154 Bộ luật dân sự năm 2005 [28] và Điều 156 Bộ luật dân sự năm 2015, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 [35], quy định về

cách tính thời hiệu như sau: Thời hiệu được tính từ thời điểm bắt đầu ngày đầu tiên của thời hiệu và chấm dứt tại thời điểm kết thúc ngày cuối cùng của thời hiệu. Do đó, thời hiệu để áp dụng các biện pháp xử lý hành chính bắt đầu từ ngày cá nhân thực hiện hành vi vi phạm hoặc thực hiện lần cuối hành vi vi phạm trong một số trường hợp cụ thể. Thời hiệu đó kết thúc khi Tòa án nhân dân quyết định áp dụng biện pháp hành chính với cá nhân đó. Như vậy, thời hạn mà Pháp lệnh số 09/2014 quy định để Tòa án nhân dân xem xét việc áp dụng biện pháp xử lý hành chính nằm trong thời hiệu để áp dụng biện pháp xử lý hành chính [46].

Ngoài 4 nội dung về thẩm quyền giải quyết, chủ thể yêu cầu, đối tượng bị yêu cầu, thời hiệu đã trình bày ở trên; khi kiểm tra hồ sơ do cơ quan đề nghị áp dụng các biện pháp hành chính chuyển sang, Tòa án nhân dân cũng cần phải kiểm tra những trường hợp không áp dụng biện pháp hành chính theo quy định khoản 5 điều 92; khoản 2 điều 94; khoản 2 điều 96 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012; Kiểm tra lại thủ tục lập hồ sơ đề nghị áp dụng các biện pháp xử lý hành chính đã được quy định tại chương II, phần thứ 3 của Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 [30]; Nghị định số 02/2014/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng, thi hành biện pháp xử lý hành chính đưa vào trường giáo dưỡng và cơ sở giáo dục bắt buộc [21]; Nghị định số 221/2013/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2013 quy định *“chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc”* [20]; Nghị định số: 136/2016/NĐ-CP ngày 09/9/2016 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 221/2013/NĐ-CP ngày 30/12/2013 của Chính phủ) và Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ *“quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012”*[19].

1.3. Các yếu tố tác động đến áp dụng các biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án nhân dân

Hoạt động áp dụng các biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án nhân dân

pháp luật luôn đòi hỏi sự khách quan, chính xác, thống nhất và đúng pháp luật. Các yếu tố bảo đảm trong việc áp dụng pháp luật trong áp dụng các biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án nhân dân có ý nghĩa rất quan trọng trong việc đưa ra các giải pháp để khắc phục những tồn tại, thiếu sót, nâng cao chất lượng áp dụng các biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án nhân dân, được xác định như sau

1.3.1. Mức độ hoàn thiện của quy định pháp luật về áp dụng biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án nhân dân

Hoạt động áp dụng biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án nhân dân được tiến hành trên cơ sở những quy định của Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 và Pháp lệnh 09 năm 2014 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về trình tự thủ tục xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án nhân dân và những văn bản pháp luật khác có liên quan về biện pháp xử lý hành chính nói chung và biện pháp xử lý hành chính tại tòa án nhân dân nói riêng để áp dụng các biện pháp xử lý hành chính tại tòa án nhân dân. Trong lịch sử và điều kiện lập pháp của nước ta, trong quá trình phát triển và hội nhập, chất lượng hệ thống pháp luật quyết định quan trọng đến quá trình áp dụng biện pháp xử lý hành chính tại tòa án nhân dân của các chủ thể áp dụng pháp luật. Trong đó, các quy định của pháp luật hành chính càng đảm bảo tính khả thi, tính toàn diện bao nhiêu thì kết quả áp dụng biện pháp xử lý hành chính tại tòa án nhân dân của chủ thể áp dụng hình phạt rõ ràng và thống nhất bấy nhiêu.

Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 là Luật xử lý vi phạm hành chính đầu tiên và là văn bản pháp luật có giá trị pháp lý cao nhất (do Quốc hội ban hành) quy định về xử lý vi phạm hành chính nói chung và các biện pháp xử lý vi phạm hành chính nói riêng. Tuy nhiên, sau thời gian đi vào thực tế áp dụng, Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 đã bộc lộ những hạn chế nhất định, như việc Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 khi ban hành lấy căn cứ pháp lý là Hiến pháp năm 1992 nhưng thời điểm hiện tại mà cụ thể ngay khi Luật này có hiệu lực thi hành thì Quốc hội đã thông qua Hiến pháp năm 2013 (có hiệu lực

thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2014); tiếp đó Quốc hội cũng đã ban hành rất nhiều luật mới như Bộ luật hình sự và Bộ luật tố tụng hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2018), Bộ luật dân sự năm 2015 (có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2017) và Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2016)... Với những Bộ luật nêu trên đã thể hiện những bước tiến lớn trong trình độ lập pháp của nhà nước ta và giúp cho những cán bộ, công chức công tác trong cơ quan pháp luật nói chung và cán bộ, Thẩm phán ngành Tòa án nói riêng có thêm căn cứ để xác định và áp dụng chính xác những quy định của Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 và các văn bản hướng dẫn thi hành việc áp dụng biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án nhân dân nói riêng.

Việc hiểu đúng và áp dụng thống nhất những quy định pháp luật là một yêu cầu quan trọng được đặt ra trong giai đoạn hiện nay; là cơ sở pháp lý cho hoạt động áp dụng các biện pháp xử lý hành chính. Tuy nhiên, bên cạnh những mặt tích cực thì khi so sánh với các Bộ luật mới ban hành thì Luật vi xử lý vi phạm hành chính năm 2012 đã thể hiện một số nhược điểm và hạn chế nhất định, chưa cập nhật kịp thời một số chính sách pháp luật mới của Đảng và Nhà nước, tạo nên tính thiếu thống nhất và phát sinh các tồn tại, thiếu sót trong thực tiễn áp dụng các biện pháp xử lý hành chính nói chung và biện pháp xử lý hành chính tại tòa án nhân dân nói riêng, trong đó chủ yếu là các sai sót phát sinh trong việc áp dụng loại và thức xử lý vi phạm hành chính theo quy định của Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012.

1.3.2. Năng lực áp dụng pháp luật của Thẩm phán

Một là, về trình độ, năng lực, phẩm chất, đạo đức của đội ngũ Thẩm phán

Hoạt động áp dụng pháp luật nói chung và áp dụng biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án nhân dân nói riêng, thì chủ thể áp dụng pháp luật về xử lý vi phạm hành chính theo Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 là rất quan trọng và Thẩm phán Tòa án nhân dân là người quyết định. Do đó, trình độ năng

lực, phẩm chất, đạo đức của Thẩm phán Tòa án nhân dân là yếu tố quan trọng bảo đảm cho việc áp dụng các biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án nhân dân được khách quan, đúng pháp luật và có hiệu quả.

Để đáp ứng được nhiệm vụ nêu trên, luôn đòi hỏi Thẩm phán Tòa án nhân dân phải có trình độ chuyên môn giỏi, hiểu biết rộng về mặt xã hội và phải có đạo đức nghề nghiệp, nhân cách trong sáng. Do đó, Thẩm phán phải luôn trao dồi kiến thức pháp lý, kỹ năng nghiệp vụ và kiến thức xã hội khác, phải tu dưỡng, rèn luyện nâng cao phẩm chất đạo đức, bản lĩnh nghề nghiệp cho chính mình.

Hai là, phải bảo đảm tính độc lập trong hoạt động áp dụng các biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án nhân dân

Nguyên tắc xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính do một thẩm phán thực hiện; khi xem xét, quyết định áp dụng các biện pháp xử lý hành chính, thẩm phán độc lập và chỉ tuân theo pháp luật. Là một nguyên tắc Hiến định và là nguyên tắc cơ bản của Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 và của Luật tổ chức Tòa án nhân dân năm 2014, có nghĩa là các cơ quan, tổ chức, cá nhân không được can thiệp và tác động vào Thẩm phán trong quá trình xem xét hồ sơ và độc lập với những yêu cầu của những người tham phiên họp, khi ra quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính thì Thẩm phán chỉ được căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên họp và theo quy định của pháp luật. Lãnh đạo Tòa án nhân dân các cấp trên không được can thiệp vào hoạt động áp dụng biện pháp xử lý hành chính của Thẩm phán mà chỉ hướng dẫn để Thẩm phán áp dụng đúng quy định của pháp luật.

Ba là, về cơ sở vật chất, chế độ đãi ngộ, chính sách tiền lương

Để đảm bảo cho Thẩm phán Tòa án nhân dân thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ khi áp dụng biện pháp xử lý hành chính thì, một trong những điều kiện hết sức quan trọng đó là cơ sở vật chất của Tòa án nhân dân, điều kiện làm việc, chế độ đãi ngộ và chính sách tiền lương có ảnh hưởng không nhỏ đến chất lượng áp dụng .

Trong những năm qua, nhà nước đã quan tâm đầu tư trang bị cơ sở vật chất, điều kiện làm việc và các trang thiết bị phục vụ cho công tác áp dụng các biện pháp hành chính tại Tòa án nhân dân, song so với yêu cầu thực tế hiện nay vẫn chưa đáp ứng được.

Chế độ đãi ngộ, chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức Tòa án, Thẩm phán, nhất là Thẩm phán cấp huyện hiện nay cũng chưa thỏa đáng. Tiền lương chỉ đảm bảo mức sống tối thiểu, chưa có tác dụng khuyến khích, động viên cán bộ, công chức Tòa án yên tâm công tác, tận tụy với nghề nghiệp. Do chế độ tiền lương thấp, áp lực công việc lớn nên đã có một số cán bộ, Thẩm phán xin chuyển ngành khác hoặc xin thôi việc và không thu hút được nguồn nhân lực cho Tòa án. Vì vậy, để nâng cao hiệu quả trong áp dụng pháp luật thì Nhà nước cần quan tâm và có chính sách tiền lương và chế độ đãi ngộ thỏa đáng đối với cán bộ Tòa án, Thẩm phán.

1.3.3. Sự phối kết hợp của các cơ quan, tổ chức có liên quan trong quá trình áp dụng biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án nhân dân

Một là, cơ chế lãnh đạo của Đảng đối với công tác tư pháp nói chung và lãnh đạo đối với công tác áp dụng các biện pháp xử lý hành chính của Tòa án nhân dân nói riêng. Trong công tác dụng các biện pháp xử lý hành chính, nếu cấp ủy Đảng với cơ chế lãnh đạo, chỉ đạo hợp lý, thường xuyên và sâu sát thì chất lượng áp dụng pháp luật nói chung và áp dụng các biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án nhân dân nói riêng sẽ được nâng cao; ngược lại, nếu cấp ủy Đảng buông lỏng lãnh đạo hoặc can thiệp không đúng vào hoạt động áp dụng các biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án nhân dân sẽ dẫn đến chất lượng áp dụng áp dụng các biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án nhân dân không được đảm bảo.

Hai là, cơ chế giám sát của các cơ quan dân cử và của nhân dân đối với hoạt động áp dụng các biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án nhân dân. Hoạt động áp dụng các biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án nhân dân của Tòa án

nhân dân có sự giám sát chặt chẽ của các cơ quan, tổ chức, đại biểu dân cử, các cơ quan thông tấn báo chí và của quần chúng nhân dân. Khi giám sát hoạt động áp dụng pháp luật nói chung và hoạt động các biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án nhân dân nói riêng của Tòa án nhân dân, nếu phát hiện những hành vi trái pháp luật thì các cơ quan nhà nước, Mặt trận tổ quốc, các tổ chức thành viên Mặt trận và đặc biệt là nhân dân có quyền kiến nghị với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của BLTTHS, các cơ quan này phải xem xét, giải quyết và trả lời yêu cầu, kiến nghị đó theo quy định của pháp luật.

Kết luận chương 1

Để làm rõ cơ sở lý luận về áp dụng các biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án nhân dân ở tỉnh Bến Tre, chương 1 của luận văn đã tìm hiểu, phân tích nội dung một số khái niệm liên quan: Khái niệm biện pháp xử lý hành chính, khái niệm các biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án nhân dân; trong chương này, luận văn cũng đã làm sáng tỏ đặc điểm, nội dung và các yếu tố tác động đến áp dụng các biện pháp hành chính tại Tòa án nhân dân.

Đây là những cơ sở lý luận khoa học hết sức quan trọng để thực hiện hoạt động áp dụng các biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án nhân dân của Tòa án nhân dân ở địa phương tỉnh Bến Tre – đó là thực trạng áp dụng các biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án nhân dân ở tỉnh Bến Tre giai đoạn từ năm 2014 đến năm 2017, học viên sẽ trình bày ở chương 2 của Luận văn.

Chương 2

THỰC TRẠNG ÁP DỤNG CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ HÀNH CHÍNH TẠI TÒA ÁN NHÂN DÂN Ở TỈNH BẾN TRE TỪ NĂM 2014 - 2017

2.1. Khái quát tình hình vi phạm hành chính tại tỉnh Bến Tre

Bến Tre là một trong 13 tỉnh đồng bằng sông Cửu Long, có diện tích tự nhiên là 2.360 km², được hình thành bởi cù lao Bảo, cù lao Minh và cù lao An Hóa, do phù sa của 4 nhánh sông Cửu Long bồi tụ mà thành (gồm sông Tiền dài 83 km, sông Ba Lai 59 km, sông Hàm Luông 71 km, sông Cổ Chiên 82 km). Điểm cực bắc của Bến Tre nằm trên vĩ độ 9⁰48' Bắc, điểm cực nam nằm trên vĩ độ 10⁰20' Bắc, điểm cực đông nằm trên kinh độ 106⁰48' Đông, điểm cực tây nằm trên kinh độ 105⁰57' Đông.

Địa hình của Bến Tre bằng phẳng, rải rác những giồng cát xen kẽ với ruộng, vườn, không có rừng cây lớn, chỉ có một số rừng chồi và những dải rừng ngập mặn ở ven biển và các cửa sông.

Nhìn từ trên cao xuống, Bến Tre có hình giẻ quạt, đầu nhọn nằm ở thượng nguồn, các nhánh sông lớn như hình nan quạt xoè rộng về phía đông. Phía bắc giáp tỉnh Tiền Giang, có ranh giới chung là sông Tiền, phía nam giáp tỉnh Trà Vinh, phía tây giáp tỉnh Vĩnh Long, có ranh giới chung là sông Cổ Chiên, phía đông giáp biển Đông, với chiều dài bờ biển là 65 km.

Những con sông lớn nối từ biển Đông qua các cửa sông chính (cửa Đại, cửa Ba Lai, cửa Hàm Luông, cửa Cổ Chiên), ngược về phía thượng nguồn đến tận Campuchia. Từ Bến Tre, tàu bè có thể đến Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh miền Tây. Ngược lại, tàu bè từ Thành phố Hồ Chí Minh về các tỉnh miền Tây đều phải qua Bến Tre.

Bến Tre có hệ thống kênh rạch chằng chịt khoảng 6.000 km đan vào nhau chở nặng phù sa chảy khắp ba dải cù lao, tạo thành một lợi thế trong phát triển giao thông thủy, hệ thống thủy lợi, phát triển kinh tế biển, kinh tế vườn, trao đổi hàng hoá với các tỉnh lân cận.

Song song với giao thông thuỷ, ở Bến Tre, hệ thống giao thông đường bộ cũng có một vị trí rất đặc biệt. Thành phố Bến Tre nối liền với Thành phố Hồ Chí Minh (qua các tỉnh Tiền Giang, Long An) dài 86 km. Quốc lộ 60 từ cầu Rạch Miễu đi qua thành phố Bến Tre, qua cầu Hàm Luông, thị trấn Mỏ Cày, đến cầu Cổ Chiên, sang tỉnh Trà Vinh. Quốc lộ 57 điếm cuối từ xã Thạnh Phong, huyện Thạnh Phú qua thị trấn Mỏ Cày, thị trấn Chợ Lách đến phà Đình Khao sang tỉnh Vĩnh Long. Đường tỉnh 882 nối đường vào cầu Hàm Luông (ngã 4 Tân Thành Bình) với Quốc lộ 57 (ngã 3 cây Trâm). Đường tỉnh 883 nối Quốc lộ 60 đi qua thị trấn Bình Đại đến xã Thới Thuận. Đường tỉnh 884 từ ngã tư Tân Thành qua bến phà Tân Phú đến Quốc lộ 57. Đường tỉnh 885 nối thành phố Bến Tre với thị trấn Ba Tri, qua thị trấn Giồng Trôm. Đường tỉnh 886 nối Đường tỉnh 883 (Ngã 3 Đê Đông) đến xã Thừa Đức. Đường tỉnh 887 từ cầu Mỹ Hoá - thành phố Bến Tre xuống ngã ba Sơn Đốc, huyện Giồng Trôm.

Cầu Rạch Miễu - công trình thế kỷ, là niềm mong ước của bao thế hệ người dân trong tỉnh - gởi đầu lên hai bờ sông Tiền; cầu Hàm Luông nối liền cù lao Bảo, cù lao Minh. Từ đây, cùng với hệ thống cầu đường nội tỉnh, ba dải cù lao An Hoá - Bảo - Minh thông thương là điều kiện giúp cho những tiềm năng kinh tế - văn hoá - xã hội của Bến Tre được khơi dậy và phát triển mạnh mẽ.

Thực hiện Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012, Nghị định số 81/2013/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính, Nghị định số 221/2013/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý vi phạm hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; Nghị định số 136/2016/NĐ-CP ngày 09 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 221/2013/NĐ-CP ngày 30/12/2013 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; Nghị quyết số 98/NQ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2014 của Chính phủ về tăng cường công tác phòng chống, kiểm soát và cai nghiện ma túy trong tình hình

mới; Thông tư số 19/2015/TT-BTP ngày 28 tháng 12 năm 2015 của Bộ Tư pháp quy định việc kiểm tra tính pháp lý của Trưởng Phòng Tư pháp cấp huyện đối với hồ sơ đề nghị áp dụng các biện pháp xử lý hành chính đưa vào trường giáo dưỡng, đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, và đưa vào cai nghiện bắt buộc; Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre đã phối hợp các ngành liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre ban hành nhiều văn bản chỉ đạo về tổ chức vận động cai nghiện ma túy tại gia đình, cộng đồng; về Chương trình điều trị nghiện các chất thuốc phiện bằng thuốc thay thế Methadone; về kinh phí thực hiện chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; chế độ đối với người chưa thành niên, người tự nguyện chữa trị, cai nghiện tại Trung tâm Chữa bệnh-Giáo dục-Lao động xã hội; chế độ đối với người sau cai nghiện; về nâng cao hiệu quả công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

Các sở, ban, ngành của tỉnh Bến tre; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố cũng đã phối hợp triển khai thực hiện nghiêm túc các quy định về xử lý vi phạm hành chính liên quan đến ma túy, mại dâm, cờ bạc ... Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Bến Tre đã tổ chức lại Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội thành Cơ sở điều trị nghiện tự nguyện, Cơ sở xã hội, Cơ sở đa chức năng, Cơ sở cai nghiện bắt buộc (theo Nghị quyết số 98/NQ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2014 của Chính phủ về tăng cường công tác phòng chống, kiểm soát và cai nghiện ma túy trong tình hình mới); kiện toàn Cơ sở bảo trợ xã hội, Cơ sở trợ giúp trẻ em để bảo đảm thi hành quyết định giáo dục tại xã, phường, thị trấn đối với người chưa thành niên không có cư trú ổn định.

Các ngành, địa phương đã tích cực phối hợp tuyên truyền, phổ biến pháp luật về xử lý vi phạm hành chính có liên quan đến ma túy, mại dâm, cờ bạc về tác hại ma túy; tổ chức vận động cai nghiện ma túy tại gia đình, cộng đồng và điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế; chú trọng công tác tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ về xử lý vi phạm hành chính; thực hiện tốt công tác tuần tra, kiểm tra, kịp thời phát hiện và xử lý vi phạm hành chính.

Theo số liệu thống kê do Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre trong thời gian qua từ năm 2014 đến năm 2017 toàn tỉnh Bến Tre, số người bị đề nghị áp dụng các biện pháp xử lý hành chính do Tòa án nhân dân cấp huyện thụ lý, quyết định là: 2.024 người, trong đó số lượng người bị áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng là: 304 người; số lượng người bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc là: 408 người; và số lượng người bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc là: 1.312 người, cụ thể được thể hiện ở bảng 2.1.

Nhìn vào số liệu học viên nhận thấy trong những năm qua số lượng người vi phạm pháp luật hành chính bị Tòa án nhân dân cấp huyện tỉnh Bến Tre áp dụng biện pháp xử lý hành chính có chiều hướng gia tăng: năm 2014 tổng số người bị Tòa án nhân dân cấp huyện tỉnh Bến Tre áp dụng biện pháp xử lý hành chính là 475 người, đến năm 2017 là 554 người tăng gần 17%; trong đó số người mắc nghiện ma túy bị Tòa án áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc là tương đối lớn 1312 người/2024 người bị Tòa án nhân dân cấp huyện tỉnh Bến Tre áp dụng biện pháp xử lý hành chính = 65%. Đặc biệt là số lượng người nghiện ma túy bị Tòa án nhân dân cấp huyện tỉnh Bến Tre áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc có chiều hướng gia tăng dần đều (năm sau cao hơn năm trước), cụ thể:

Năm 2014 trên toàn tỉnh Bến Tre có 309 người bị Tòa án nhân dân cấp huyện áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thì năm 2015 có 315 người, tăng gần 2%.

Năm 2015 trên toàn tỉnh Bến Tre có 315 người bị Tòa án nhân dân cấp huyện áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thì năm 2016 có 332 người, tăng 5,3%.

Năm 2016 trên toàn tỉnh Bến Tre có 332 người bị Tòa án nhân dân cấp huyện áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thì năm 2017 có 366 người, tăng 10,22%.

Năm 2014 trên toàn tỉnh Bến Tre có 309 người bị Tòa án nhân dân cấp huyện áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thì đến năm 2017 con số này là 366 người, tăng gần 18,4%.

Cũng theo báo cáo của ngành Tòa án tỉnh Bến Tre thì hầu hết người nghiện ma túy ở địa phương có nơi cư trú ổn định, phần lớn không có việc làm ổn định, có trên 50% người sử dụng ma túy tổng hợp; đa số các trường hợp sử dụng và nghiện ma túy là do bị đối tượng xấu lôi kéo, xúi giục, do buồn chán gia đình; việc quản lý, giáo dục của gia đình thiếu chặt chẽ, nghiêm khắc; việc giáo dục, quản lý, áp dụng biện pháp xử lý hành chính đối với người nghiện ma túy tại xã, phường, thị trấn chưa thật tốt (có 82 người); việc vận động cai nghiện tự nguyện chưa nhiều (chỉ có 193 người), việc đưa người nghiện đi cai nghiện bắt buộc còn nhiều khó khăn (hiện có 06 trường hợp đang lưu giữ tại Cơ sở chữa bệnh- giáo dục- Lao động xã hội).

Về cơ cấu độ tuổi và giới tính của người vi phạm pháp luật bị Tòa án nhân dân áp dụng biện pháp xử lý hành chính được thể hiện qua biểu đồ tại bảng 2.2.

Qua số liệu học viên nhận thấy số người vi phạm pháp luật hành chính bị Tòa án áp dụng biện pháp xử lý hành chính chủ yếu là nam giới, chiếm tỷ lệ tương đối cao 1906/2024 người bị Tòa án áp dụng các biện pháp xử lý hành chính (hơn 95%), tỷ lệ người vi phạm pháp luật tái phạm cũng tương đối cao 448/2024 người = 22,1%, người dưới 18 tuổi vi phạm pháp luật hành chính bị Tòa án nhân dân áp dụng biện pháp xử lý hành chính là 15,2%.

2.2. Tình hình áp dụng các biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án nhân dân ở tỉnh Bến Tre

2.2.1. Về việc áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng

Trong thời gian gần đây cùng với sự gia tăng về số lượng người dưới 18 tuổi phạm tội, thì số người dưới 18 tuổi vi phạm pháp luật và bị Tòa án nhân dân áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa trường giáo dưỡng cũng tăng lên. Theo số liệu thống kê tại báo cáo tổng kết thực tiễn thi hành các quy định của pháp luật về áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào trường giáo dưỡng, đưa vào cơ sở giáo dục và đưa vào cơ sở chữa bệnh từ năm 2014 đến 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre tại các bảng 2.1 và bảng 2.2 [41]. Từ năm 2014 đến năm

2017 Tòa án nhân dân cấp huyện tỉnh Bến Tre đã ra 304 Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào trường giáo dưỡng, tính bình quân mỗi năm có khoảng hơn 70 người dưới 18 tuổi vi phạm pháp luật bị Tòa án nhân dân cấp huyện áp dụng biện pháp xử lý hành chính, trong đó năm 2015 số lượng người dưới 18 tuổi bị đưa vào trường giáo dưỡng theo quyết định của Tòa án nhân dân là khá cao 88 người, năm 2014 là 65 người (tăng 35,3%). Tính nguyên trong giai đoạn từ năm 2014 đến năm 2017, lượng người dưới 18 tuổi bị áp dụng biện pháp hành chính đưa vào trường giáo dưỡng tăng 12,3% (năm 2014 là 65 người, năm 2017 là 73 người).

Việc thi hành biện pháp xử lý hành chính đưa vào trường giáo dưỡng được áp dụng theo theo Nghị định số 02/2014/NĐ-CP của Chính phủ ngày 10/01/2014 “*Quy định định chế độ áp dụng, thi hành biện pháp xử lý hành chính đưa vào trường giáo dưỡng và cơ sở giáo dục*”[21]. Trong đó, đối tượng bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính theo quyết định của Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp huyện; độ tuổi chủ yếu của các em là từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi. Hành vi vi phạm của các em rất phức tạp chủ yếu là trộm cắp tài sản (chiếm 61,51%); gây rối trật tự công cộng (chiếm 22,9%) và các hành vi khác như cố ý gây thương tích (chiếm 4,3%), cưỡng đoạt tài sản (4,87%), hiếp dâm (chiếm 2,13%), giết người (chiếm 0,26%). Đặc thù của các đối tượng này là nhận thức hạn chế, có lối sống buông thả, tự do, vô kỷ luật, lười lao động, lười học tập.

2.2.2. Về việc áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc

Theo số liệu thống kê tại báo cáo tổng kết thực tiễn thi hành các quy định của pháp luật về áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc từ của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre tại các bảng 2.1 và bảng 2.2 [41]. Từ năm 2014 đến năm 2017 Tòa án nhân dân cấp huyện tỉnh Bến Tre đã ra 408 Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, trong đó có 35 người là nữ = 8,6% và có 82 người đã từng vi phạm pháp luật = 20,1% (đa phần các đối tượng này thuộc loại lưu manh, côn đồ, hung hãn, nhiều

tiền án, tiền sự, nghiện hút, trình độ văn hóa thấp). Hành vi vi phạm chủ yếu là gây rối trật tự công cộng chiếm 44,12%; chiếm đoạt tài sản chiếm 40,1%, cố ý gây thương tích chiếm 11,03%...

Đối tượng bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính theo quyết định của Thẩm phán Tòa án nhân dân có độ tuổi từ 18 tuổi trở lên, đa phần đều là người trình độ học vấn thấp, tiểu học 32,34%, trung học cơ sở 40,55%. Thời hạn chấp hành 24 tháng chiếm 77,22%; từ 18 đến 24 tháng chiếm 11,51%; từ 12 đến 18 tháng chiếm 8,95%; từ 6 đến 12 tháng chiếm 2,37%.

Việc thi hành biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc cũng được áp dụng theo theo Nghị định số 02/2014/NĐ-CP của Chính phủ ngày 10/01/2014 *“Quy định định chế độ áp dụng, thi hành biện pháp xử lý hành chính đưa vào trường giáo dưỡng và cơ sở giáo dục”* [21].

2.2.3. Về việc áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc

Trong những năm vừa qua 2014-2017 Tòa án nhân dân cấp huyện tỉnh Bến Tre đã ban hành 1312 Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc. Điều đó cho thấy chính quyền địa phương cũng như ngành Tòa án tỉnh Bến Tre nói riêng đã tích cực quan tâm triển khai thực hiện nghiêm túc các quy định về phòng chống ma túy và cai nghiện ma túy; xây dựng, ban hành nhiều văn bản chỉ đạo, hướng dẫn công tác cai nghiện ma túy, công tác lập hồ sơ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đối với người nghiện ma túy trên địa bàn; nắm chắc tình hình, theo dõi, quản lý, phân loại người sử dụng và người nghiện ma túy theo quy định. Tuy nhiên qua số liệu thống kê tại bảng 2.1 và 2.2 [41], học viên nhận thấy tỷ lệ người tái nghiện sau khi cai là tương đối lớn 301/1312 (người đã từng vi phạm pháp luật) = 23%.

2.3. Nhận xét về áp dụng các biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án nhân dân ở tỉnh Bến Tre

2.3.1. Kết quả đạt được và nguyên nhân

- Kết quả đạt được

Sau 04 năm tổ chức triển khai thực hiện áp dụng các quy định về các biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án nhân dân và từ thực tiễn tỉnh Bến Tre, học viên

nhận thấy ngành Tòa án tỉnh Bến Tre đã thực hiện tốt các quy định của pháp luật: Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012; Pháp lệnh số 09/2014/UBTVQH ngày 19 tháng 7 năm 2014 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về trình tự, thủ tục xem xét quyết định áp dụng các biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án nhân dân, cụ thể: Từ năm 2014 đến năm 2017 Tòa án nhân dân cấp huyện của tỉnh Bến Tre đã thụ lý, giải quyết tổng số 2024 việc, kết quả đã ban hành 2024 quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính. Trong quá trình thụ lý, giải quyết luôn đảm bảo áp dụng đúng trình tự, thủ tục xem xét, quyết định áp dụng các biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án nhân dân. Các trường hợp đưa vào trường giáo dưỡng, đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc cơ bản đều có căn cứ, đúng pháp luật. Trong tổng số 2024 vụ, việc Tòa án nhân dân đã thụ lý giải quyết, chỉ có 12 trường hợp đối tượng bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính khiếu nại, trong đó Tòa án tỉnh giải quyết giữ nguyên quyết định sơ thẩm 11/12 việc, hủy một việc. Với việc áp dụng các biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án nhân dân trong những năm qua đạt nhiều kết quả đã góp phần to lớn trong việc giáo dục, cảm hóa nhiều đối tượng trở thành công dân có ích, sớm hòa nhập cộng đồng, tạo sự tin tưởng của người dân đối với việc thay đổi chính sách pháp luật, thay đổi chủ thể quyết định áp dụng biện pháp hành chính từ chủ thể là Chủ tịch Ủy ban nhân dân sang chủ thể là Thẩm phán Tòa án nhân dân.

- *Nguyên nhân kết quả đạt được*

+ Đảng và Nhà nước kịp thời ban hành Pháp lệnh số 09 năm 2014 quy định về trình tự, thủ tục xem xét, quyết định các biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án nhân dân cũng như việc ban hành các văn bản dưới luật (Nghị định, Nghị quyết và Thông tư) hướng dẫn chi tiết việc áp dụng pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

+ Cấp ủy chính quyền địa phương đã tăng cường công tác chỉ đạo các cơ quan chức năng, phối hợp thực hiện tốt quy định của pháp luật nói chung và Luật xử lý vi phạm hành chính nói riêng.

+ Sự cố gắng nỗ lực học học hỏi nghiên cứu của lực lượng Thẩm phán Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

2.3.2. Hạn chế và nguyên nhân

Bên cạnh những kết quả đạt được nêu trên thì hoạt động áp dụng các biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án nhân dân trên địa bàn trong những năm qua (2014-2017), còn một số hạn chế nhất định: Trong tổng số 2024 quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính do Tòa án nhân dân ban hành thì có 12 trường hợp đối tượng bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính khiếu nại nên Tòa án nhân dân cấp tỉnh (Tòa án nhân dân tỉnh giải quyết giữ nguyên quyết định sơ thẩm 11/12 việc, hủy một việc); hay như việc vẫn còn một số việc Tòa án nhân dân gửi thông báo thụ lý, quyết định mở phiên họp cho Viện kiểm sát nhân dân không đúng thời hạn; một số quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc Tòa án nhân dân không gửi quyết định cho Trưởng Công an huyện nơi người bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính cư trú theo quy định tại Điều 107 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 và khoản 1 Điều 24 Pháp lệnh số 09 năm 2014. Đặc biệt để xảy ra trường hợp Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre ban hành 02 kiến nghị yêu cầu Tòa án nhân dân cấp huyện khắc phục, sửa chữa vi phạm, trong việc Tòa án nhân dân cấp huyện ra quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc của Tòa án có vi phạm (đối tượng chưa đủ điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 94 Luật Xử lý VPHC và Điều 5 Nghị quyết số 04 ngày 24/12/2015 của Hội đồng thẩm phán TAND tối cao) nhưng Tòa án vẫn áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc. Điều đáng nói là ngay cả Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện là cơ quan kiểm sát cùng cấp cũng không phát hiện, điều đó thể hiện công tác phối hợp giữa Viện kiểm sát và Tòa án cấp huyện chưa thật tốt, thậm chí có vấn đề trong cả chuyên môn nghiệp vụ của một bộ phận không nhỏ Thẩm phán, Kiểm sát viên và cán bộ cơ quan chức năng. Những tồn tại hạn chế nêu trên có thể xuất phát từ những nguyên nhân như sau:

Một là, quy định của Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 bộc lộ một số nhược điểm, hạn chế không còn phù hợp với hiện tại

Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 là văn bản quy phạm pháp luật có hiệu lực pháp lý cao nhất hiện hành quy định những vấn đề chung, cơ bản, có tính nguyên tắc về xử lý vi phạm hành chính. Trong công tác xử lý vi phạm hành chính, bên cạnh Luật Xử lý vi phạm hành chính mang tính chất một “Luật khung”, yêu cầu đặt ra cần xây dựng hệ thống các văn bản hướng dẫn bao gồm: Pháp lệnh của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về trình tự, thủ tục xem xét, quyết định các biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án nhân dân; Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật, Pháp lệnh; các Nghị quyết, Thông tư hay Công văn của các ban ngành cơ quan cấp Bộ, cơ quan ngang Bộ như Tòa án và Viện kiểm sát quy định xử phạt vi phạm hành chính trong các lĩnh vực quản lý nhà nước và các nghị định quy định việc áp dụng các biện pháp xử lý hành chính.

Trong thời gian qua Ủy ban thường vụ Quốc Hội, các Bộ, ngành đã trình Chính phủ ban hành một số lượng lớn các nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành các quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 nói chung và chỉ riêng lĩnh vực áp dụng biện pháp xử lý vi phạm hành chính tại Tòa án nhân dân nói riêng, cụ thể như: Pháp lệnh số 09/2014/UBTVQH13 ngày 20 tháng 01 năm 2014 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về “trình tự, thủ tục xem xét, quyết định áp dụng các biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án nhân dân” [46]; Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ “quy định chi tiết thi hành một số điều và áp dụng Luật Xử phạt vi phạm hành chính” [19]; Nghị định số 97/2017/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ về “Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều và áp dụng Luật Xử phạt vi phạm hành chính” [22]; Nghị định số 221/2013/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ “quy định chế độ áp dụng, thi hành

biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc” [20]; Nghị số 02/2014/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ “quy định về chế độ áp dụng, thi hành biện pháp xử lý hành chính đưa vào trường giáo dưỡng và cơ sở giáo dục bắt buộc” [21]...

Ngày 10 tháng 4 năm 2014 Tòa án nhân dân tối cao đã ban hành Công văn số 74/TANDTC-KHXX “*về một số văn bản của Tòa án nhân dân trong việc xem xét áp dụng biện pháp xử lý hành chính*” và Nghị quyết số 04/NQ-HĐTP ngày 24 tháng 12 năm 2015 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về “*hướng dẫn thi hành một số quy định của pháp luật về xem xét, quyết định áp dụng các biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án nhân dân*” [42].

Ngày 14 tháng 11 năm 2014 Viện kiểm sát nhân dân tối cao ban hành Quyết định 566/QĐ-VKSTC-V9 về việc giao nhiệm vụ cho: “*Đơn vị kiểm sát việc giải quyết các vụ án HC-KDTM- LĐ và những việc khác theo quy định của pháp luật Viện kiểm sát các cấp thực hiện nhiệm vụ kiểm sát việc tuân theo pháp luật về trình tự, thủ tục xem xét, quyết định áp dụng biện pháp XLHC của TAND cùng cấp từ khi tòa án thụ lý đến khi các quyết định của tòa án có hiệu lực pháp luật*” [47] và Hướng dẫn số 17/HD-VKSTC-V12 ngày 6/2/2015 của Vụ 12 Viện kiểm sát nhân dân tối cao hướng dẫn Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh thực hiện công tác kiểm sát khi thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 và Pháp lệnh 09 năm 2014.

Về cơ bản, công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật về xử lý vi phạm hành chính nói chung và áp dụng biện pháp xử lý vi phạm hành chính tại Tòa án nhân dân đã bảo đảm được tính thống nhất, đồng bộ với hệ thống pháp luật hiện hành. Các văn bản được ban hành nói chung bảo đảm tính khả thi và đáp ứng kịp thời yêu cầu đấu tranh phòng chống các vi phạm hành chính.

Tuy nhiên, vẫn còn những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện tại tỉnh Bến Tre (chủ yếu là biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc) như:

Thứ nhất là về Luật: Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 quy định thời hạn áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc từ 12 tháng đến 24

tháng, thiếu các tiêu chí để xác định thời gian cụ thể, dẫn đến cùng một điều kiện hoàn cảnh giống nhau nhưng các tòa án áp dụng khác nhau, quyết định thời gian cai nghiện khác nhau, gây bức xúc cho học viên.

Về việc cai nghiện cho người nghiện ma túy từ 12 đến dưới 18 tuổi: Luật Phòng, chống ma túy năm 2000 quy định: Người nghiện ma túy từ 12 đến dưới 18 tuổi đã được giáo dục tại xã, phường, thị trấn hoặc đã cai nghiện tại gia đình, cộng đồng mà vẫn còn nghiện thì được đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc và không coi là biện pháp xử lý hành chính”. Tại khoản 1 Điều 96 của Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 chỉ quy định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với người nghiện ma túy từ đủ 18 tuổi trở lên và thẩm quyền quyết định là Tòa án nhân dân cấp huyện. Do vậy, có áp dụng biện pháp đưa người dưới 18 tuổi vào cơ sở cai nghiện bắt buộc nữa hay không đến nay còn có ý kiến khác nhau giữa các cơ quan gây khó khăn cho địa phương.

Về công tác quản lý sau cai nghiện: Luật Phòng, chống ma túy quy định áp dụng biện pháp quản lý sau cai nghiện đối với người chấp hành xong quyết định áp dụng BPXLHC đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, tuy nhiên, Luật Xử lý vi phạm hành chính không đề cập đến vấn đề này dẫn đến lúng túng trong tổ chức thực hiện, cụ thể:

- Tại khoản 3, khoản 5 Điều 90 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 quy định điều kiện áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn là “02 lần trở lên trong 06 tháng” có hành vi vi phạm và bị xử phạt vi phạm hành chính, có nghĩa là từ lần vi phạm thứ 2 có thể lập hồ sơ áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn. Tuy nhiên tại Khoản 1, khoản 2 Điều 16 Nghị định số 81/2013/NĐ-CP quy định: “ít nhất hai lần bị XPVPHC đó trong 06 tháng”; Điểm c, đ khoản 2 Điều 4 Nghị định số 111/2013/NĐ-CP quy định: “trong 06 tháng đã ít nhất hai lần bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi...”. Tại khoản 3 Điều 4 Thông tư số 48/2014/TT-BCA đã nói rõ: Trong 06 tháng bị XPVPHC 2 lần, nếu còn tiếp tục có hành vi vi phạm hành chính từ lần thứ 3 trở đi mà chưa đến mức

truy cứu trách nhiệm hình sự thì không ra quyết định xử phạt hành chính tại lần vi phạm này mà lập biên bản vi phạm và lập hồ sơ áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn...Quy định tại các văn bản trên đang khiến các địa phương lúng túng, chưa có sự thống nhất cả về nhận thức và phối hợp thực hiện.

- Tại khoản 2 Điều 99 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 quy định: Trong trường hợp người chưa thành niên vi phạm do cơ quan Công an cấp huyện hoặc Công an cấp tỉnh trực tiếp phát hiện, điều tra, thụ lý trong các vụ vi phạm pháp luật, nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự mà thuộc đối tượng đưa vào trường giáo dưỡng theo quy định tại Điều 92 của Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 thì cơ quan Công an đang thụ lý vụ việc tiến hành xác minh, thu thập tài liệu và lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng đối với người đó. Các đối tượng vi phạm thuộc đối tượng đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc theo quy định tại Điều 94 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 cũng được quy định tương tự như vậy.

Thứ hai là về Nghị định:

Việc xác định người không có nơi cư trú ổn định, bàn giao người về nơi cư trú để lập hồ sơ và quản lý người trong thời gian xác định nơi cư trú: Nghị định số 56/2016/NĐ-CP sửa đổi nghị định 111 quy định “người không có nơi cư trú ổn định là người không xác định được nơi đăng ký thường trú, nơi đăng ký tạm trú mà thường xuyên đi lang thang không có nơi ở cố định hoặc xác định được nơi thường trú nhưng không ở đó mà thường xuyên đi lang thang không có nơi ở cố định”. Trong khi không có tiêu chí cụ thể nào là thường xuyên đi lang thang dẫn đến cách hiểu và vận dụng pháp luật khác nhau ở các địa phương; Nghị định số 221/2013/NĐ-CP quy định: trường hợp người vi phạm có nơi cư trú không thuộc xã, phường, thị trấn nơi xảy ra vi phạm thì bàn giao người và biên bản cho cơ quan công an cấp xã nơi người vi phạm cư trú để tiến hành lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc. Tuy nhiên, Nghị định này chưa quy định hình thức chuyển, trách nhiệm của các bên liên quan trong việc chuyển người vi phạm.

Thứ ba là về Thông tư: Theo quy định Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012, phải có tài liệu chứng minh tình trạng nghiện ma túy. Tuy nhiên, trên thực tế việc xác định tình trạng nghiện vẫn gặp rất nhiều khó khăn: số chất ma túy được quy định (khoảng 250 chất) lớn hơn rất nhiều quy định tại Thông tư 17 ngày 09/7/2015 (chỉ quy định 02 chất là chất dạng thuốc phiện opiats và chất Amphetamine); tiêu chuẩn xác định nghiện chất dạng Amphetamine và quy trình xác định nghiện ma túy quy định tại Thông tư 17 không phù hợp với thực tiễn, trong đó có việc cần có thời gian để xác định nghiện (48 giờ đối với người xác định nghiện thuốc phiện và 72 giờ đối với người xác định nghiện ma túy đá).

Nghị định số 02/2014/NĐ-CP, Thông tư số 43/2014/TT- BCA của Bộ Công an lại không quy định cụ thể việc giao đối tượng bị lập hồ sơ cho gia đình, tổ chức quản lý trong quá trình lập hồ sơ sau khi hết thời hạn tạm giữ, tạm giam (nếu có) thuộc về đơn vị và cấp nào.

- Tại khoản 2 Điều 118 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012, quy định trường hợp một người vừa thuộc đối tượng đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc vừa thuộc đối tượng đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc

Trường hợp người nghiện ma túy thuộc loại côn đồ hung hãn thì áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc. Cơ sở giáo dục bắt buộc thực hiện việc cai nghiện cho đối tượng này. Tuy nhiên đến nay chưa có văn bản nào quy định cụ thể thế nào là hành vi côn đồ hung hãn.

- Tại khoản 3 Điều 101 của Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012, quy định sau khi hoàn thành việc lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng, đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ quan lập hồ sơ phải thông báo về việc lập hồ sơ cho người bị đề nghị áp dụng hoặc người đại diện hợp pháp của họ để đọc hồ sơ, ghi chép nội dung cần thiết. Tuy nhiên, khi áp dụng quy định này trên thực tế cho thấy người bị đề nghị áp dụng hoặc người đại diện hợp pháp của họ thường không đến nên cơ quan Công an gặp rất nhiều khó khăn trong công tác lập, hoàn thiện hồ sơ đề nghị, hoặc họ lợi dụng việc được

thông báo để bỏ trốn. Đây là một trong những nguyên nhân gây nhiều khó khăn trong việc triển khai thực hiện biện pháp xử lý hành chính đưa vào trường giáo dưỡng hoặc cơ sở giáo dục bắt buộc.

- Về phối hợp thực hiện các quy định về biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng, đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc

Hiện nay, việc thực hiện quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính về biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng, đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc do nhiều cơ quan khác nhau thực hiện vào các giai đoạn khác nhau từ khi lập hồ sơ đề nghị áp dụng đến thi hành các biện pháp này và đòi hỏi phải có sự phối hợp chặt chẽ giữa gia đình, tổ chức xã hội và các cơ quan. Tuy nhiên, trên thực tế Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 chưa quy định nên việc phối hợp gặp nhiều khó khăn như: công tác phối hợp trong việc kiểm tra tính pháp lý của hồ sơ, việc chuyển hồ sơ xem xét, quyết định.

Hai là, cơ sở vật chất và trang thiết bị làm việc của Tòa án nhân dân các cấp ở tỉnh Bến Tre, đã được nhà nước quan tâm nhưng vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu cải cách tư pháp. Đây cũng là một nguyên nhân làm cho hoạt động áp dụng pháp luật nói chung và hoạt động áp dụng các biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án nhân dân gặp không ít khó khăn. Nhiều Thẩm phán trực tiếp thụ lý hồ sơ chưa được tiếp cận và sử dụng thành thạo các phương tiện, công nghệ thông tin, thiết bị hiện đại để nghiên cứu, sưu tầm các quy định mới của pháp luật. Ngoài ra, chế độ đãi ngộ đối với đội ngũ Thẩm phán còn chưa thỏa đáng, trách nhiệm đòi hỏi cao nhưng Thẩm phán vẫn chưa được coi là một nghề đặc biệt từ đó dẫn đến những ảnh hưởng xấu từ kinh tế thị trường.

Ba là, tỉnh Bến Tre chỉ có duy nhất một cơ sở cai nghiện bắt buộc là Cơ sở cai nghiện ma túy Bến Tre (Sở Lao động thương binh và xã hội Bến Tre) có trụ sở tại xã Tân Xuân, huyện Ba Tri, Trung tâm này hình thành từ rất lâu, cơ sở vật chất, trang thiết bị xuống cấp, quá tải, điều kiện ăn ở không đảm bảo không đủ điều kiện để tiếp nhận số lượng lớn học viên, vì vậy so với tình hình người sử dụng và người nghiện ma túy trên đại bàn tỉnh Bến Tre trong năm 2017 là

1.656 người nhưng chỉ đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc 366 người. Cơ sở vật chất yếu kém dẫn đến trường hợp vào tháng 6 năm 2017 có 50 học viên đã phá cổng rào và trốn trại gây khó khăn cho các cơ quan chức năng cũng như mất ổn định tình hình chính trị ở đại phương.

Trên tỉnh Bến Tre không có trường giáo dưỡng và cơ sở giáo dục bắt buộc nên gặp nhiều khó khăn, cụ thể ở Bến Tre đa số các đối tượng trẻ chưa thành niên vi phạm pháp luật hình sự đều áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn. Trong năm 2017, Bến Tre có chỉ có 73 trường hợp áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng trong khi số vi phạm bị “nhắc nhở” lên tới 262 trường hợp.

Bốn là, Năng lực áp dụng pháp luật của Thẩm phán ở tỉnh Bến Tre

Sau hơn 40 thành lập và phát triển, hiện tại ngành Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre, gồm có 01 Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre, 01 Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre (trước đây là thị xã Bến Tre) và 08 Tòa án nhân dân huyện Ba Tri, Đại Bình, Châu Thành, Chợ Lách, Giồng Trôm, Mỏ Cày Bắc, Mỏ Cày Nam, Thạnh Phú.

Với đội ngũ cán bộ (Thẩm phán, Thư ký) gồm 219 biên chế, trong đó Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre có 14 Thẩm phán, Tòa án nhân dân cấp huyện có 170 biên chế với 85 Thẩm phán, trình độ của Thẩm phán cấp huyện: 03 thạc sĩ Luật học, 85 Cử nhân luật, 20 Cao cấp lý luận chính trị và 32 trung cấp lý luận chính trị [41]. Nhìn chung đội ngũ Thẩm phán cấp huyện của ngành Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre có đủ trình độ chuyên môn và năng lực để giải quyết nhiệm vụ được giao.

Tuy nhiên với tình hình chỉ tiêu biên chế Thẩm phán của Tòa án cấp huyện như hiện nay, học viên nhận thấy về phẩm chất năng lực trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, bản lĩnh chính trị đã đảm bảo về chất lượng năng lực áp dụng pháp luật trong việc áp dụng các biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án nhân dân nhưng về số lượng thì đang thiếu vì chia bình quân thì hàng năm mỗi Thẩm phán

cấp huyện ngoài việc thụ lý giải quyết các vụ án hình sự, dân sự, hôn nhân gia đình ... mỗi thẩm phán phải thụ thêm khoảng 26 hồ sơ đề nghị xem xét áp dụng biện pháp xử lý tại Tòa án nhân dân, có nghĩa là trong giai đoạn 2014-2017, kể từ khi được Đảng và Nhà nước trao thêm thẩm quyền áp dụng pháp luật trong việc áp dụng các biện pháp xử lý hành chính thì Thẩm phán phải nhận thêm một khối lượng công việc tương đối lớn, thậm chí phải phải căng mình giải quyết đề nghị cứu thụ lý các loại hồ sơ vụ án, vụ việc để giải quyết. Vì theo quy định, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày thụ lý hồ sơ đề nghị của cơ quan có thẩm quyền, thẩm phán công bố quyết định áp dụng hoặc không áp dụng biện pháp xử lý hành chính hoặc đình chỉ, tạm đình chỉ việc xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính (đối với vụ việc phức tạp, thời hạn có thể kéo dài không quá 30 ngày). Tuy nhiên, với chỉ số lượng Thẩm phán có hạn buộc phải “viết bằng cả 2 tay” vì hoạt động xét xử và các công tác khác cũng không thể lơ là. Đó là chưa nói, các đối tượng thường có ý thức chấp hành pháp luật kém, không có công việc ổn định nên việc trao thông báo thụ lý, đề nghị cung cấp, xác minh thông tin và trao quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính cho người bị đề nghị rất khó khăn.

Nói chung là đội ngũ Thẩm phán ở Tòa án nhân dân hai cấp tỉnh Bến Tre còn thiếu kinh nghiệm trong việc áp dụng các biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án nhân dân vì đây là công việc mới do vậy dẫn đến việc lúng túng trong việc nghiên cứu các quy định của pháp luật, gặp khó khăn trong việc xác tài liệu quan trọng, có giá trị và ý nghĩa để xem xét tại phiên họp.

Năm là, Sự phối kết hợp của các cơ quan, tổ chức có liên quan trong quá trình áp dụng các biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án nhân dân ở tỉnh Bến Tre

Trong những năm vừa qua, từ năm 2014 đến năm 2017 các cơ quan chức năng tỉnh Bến Tre nói chung và các cơ quan thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 nói riêng và đặc biệt là các cơ quan gồm: Tòa án nhân dân -

Công an nhân dân và Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện tỉnh Bến Tre đã tích cực chủ động tham mưu cho chính quyền địa phương tổ chức thi hành các biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án nhân dân. Tòa án nhân dân đã tích cực phối hợp với Ủy ban nhân dân tổ chức tuyên truyền để cán bộ, công chức, viên chức và người dân hiểu và nắm được nội dung mới của Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012. Tuy nhiên trên thực tế sự phối hợp giữa các cơ quan chức năng trên địa bàn tỉnh Bến Tre không phải lúc nào cũng đạt kết quả cao vì về cơ bản sau khi Luật Xử lý vi phạm hành chính có hiệu lực thi hành nhưng phải sau một thời gian Ủy ban thường vụ Quốc hội mới ban Pháp Lệnh số 09 năm 2014 để hướng dẫn thi hành Luật xử lý vi phạm hành chính. Do vậy trong khoảng thời gian năm 2014-2015 sự phối kết hợp giữa Tòa án nhân dân với Viện kiểm sát nhân dân - Công an và UBND (Phòng Tư pháp và Phòng Lao động -Thương binh- Xã hội) chưa thật tốt. Đến thời điểm hiện nay Ủy ban thường vụ Quốc hội đã ban hành các Pháp Lệnh; Chính phủ đã ban hành các Nghị quyết và từng ngành Tòa án cũng như Viện kiểm sát và Công an ... đã ban hành các văn bản hướng dẫn thi hành các biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án nhân dân. Qua đó xác định rõ Tòa án nhân dân là cơ quan chịu trách nhiệm ra quyết định áp dụng các biện pháp xử lý hành chính; Viện kiểm sát là cơ quan kiểm sát hoạt động áp dụng biện pháp xử lý hành chính tại tòa án nhân dân; Ủy ban nhân dân và Công an là các cơ quan lập hồ sơ để đề nghị xem xét ra quyết định áp dụng các biện pháp xử lý hành chính.

Nói chung là công tác chủ động phối hợp liên ngành giữa các cơ quan chức năng, đặc biệt là giữa Tòa án với Viện kiểm sát với Công an và các Phòng chức năng của Ủy ban nhân dân trong thụ lý, giải quyết đề nghị áp dụng biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án nhân dân; có thời điểm nhất định và ở nhiều đơn vị còn chưa chặt chẽ, chất lượng chưa cao. Vẫn còn tình trạng “quyền anh, quyền tôi”, hoặc do nể nang, né tránh, ngại va chạm giữa các cơ quan tiến hành tố tụng. Một số Tòa án nhân dân cấp huyện còn thiếu chủ động trong việc

chủ trì phối hợp giữa các cơ quan chức năng ở địa phương, cứng nhắc trong việc thực hiện chức năng nhiệm vụ, có đơn vị thì lại thiên về phối hợp mà thiếu kiên quyết trong việc thực hiện quyền hạn, trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

Kết luận chương 2

Trong chương 2, luận văn đã khái quát về tình hình kinh tế xã hội, tình hình vi phạm pháp luật và cơ cấu tổ chức bộ máy ngành Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre - đây là những yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng áp dụng các biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án nhân dân ở tỉnh Bến Tre giai đoạn từ năm 2014 đến năm 2017.

Trong chương này có một phần rất quan trọng là thực trạng áp dụng các biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án nhân dân ở tỉnh Bến Tre từ năm 2014 đến năm 2017, trong đó luận văn đã đánh giá một cách khái quát trình tự, thủ tục áp dụng các biện pháp xử lý hành chính; nêu ra được những ưu điểm và hạn chế của công tác áp dụng các biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án nhân dân ở tỉnh Bến Tre; đồng thời đưa ra những nguyên nhân của những kết quả đã đạt được và nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế trong công tác áp dụng các biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án nhân dân ở tỉnh Bến Tre.

Toàn bộ nội dung của chương 2 là cơ sở thực tiễn để đề tài đề nhận định yêu cầu khách quan của việc định hướng bảo đảm áp dụng các biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án nhân dân ở địa bàn tỉnh Bến Tre là yêu cầu cấp bách, đồng thời đề xuất những giải pháp để đảm bảo áp dụng các biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án nhân dân ở tỉnh Bến Tre sẽ được trình bày ở chương 3.

Chương 3

ĐỊNH HƯỚNG, GIẢI PHÁP BẢO ĐẢM ÁP DỤNG CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ HÀNH CHÍNH TẠI TÒA ÁN NHÂN DÂN

3.1. Định hướng bảo đảm áp dụng các biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án nhân dân

3.1.1. Hiệu quả, thiết thực trong áp dụng các biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án nhân dân

3.1.1.1. Hiệu quả, thiết thực trong áp dụng các biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án nhân dân để đáp ứng yêu cầu xây dựng nhà nước pháp quyền Việt Nam xã hội chủ nghĩa, của dân do dân và vì dân.

Xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản là một mục tiêu lớn, luôn được Đảng ta khẳng định trong các văn kiện đại hội Đảng, đã và đang từng bước triển khai thực hiện sâu rộng trong đời sống xã hội.

Đường lối xây dựng nhà nước pháp quyền Việt Nam XHCN đã được Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng Cộng sản Việt Nam xác định: "Nhà nước là trụ cột của hệ thống chính trị, là công cụ chủ yếu để thực hiện quyền làm chủ của nhân dân, là nhà nước pháp quyền của dân, do dân và vì dân"

Xây dựng nhà nước pháp quyền ở nước ta trong công cuộc đổi mới đất nước hiện nay là một đòi hỏi cấp thiết, phù hợp với những điều kiện phát triển khách quan của đất nước và xu thế chung của thời đại. Sự nghiệp này xuất phát từ hàng loạt các yêu cầu khách quan của đất nước. Các quan hệ xã hội ngày càng đa dạng và phức tạp, hội nhập và toàn cầu hóa đang đặt ra cho chúng ta nhiều cơ hội và thách thức. Những cung cách quản lý, điều hành xã hội của cơ chế hành chính, tập trung hóa, bao cấp trước đây không còn phù hợp. Để đủ sức quản lý xã hội trong bối cảnh mới, phải cải cách sâu sắc và toàn diện mọi mặt đời sống kinh tế, chính trị, xã hội, nhà nước và pháp luật. Xây dựng nhà nước pháp quyền sẽ đáp ứng được những yêu cầu đó.

Nâng cao hiệu quả, thiết thực trong việc áp dụng các biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án nhân dân đúng pháp luật, bảo đảm để không có sai phạm trong công tác lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp xử lý hành chính và công tác tổ chức phiên họp để xem xét áp dụng các biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án nhân dân đã trở thành một trong những yêu cầu quan trọng của việc cải cách hệ thống tư pháp nước ta. Cải cách tư pháp có nhiệm vụ trọng tâm là xây dựng, vận hành một nền tư pháp giữ gìn công lý, công bằng xã hội, tính khách quan, độc lập chỉ tuân theo pháp luật, thực hiện lời dạy quý giá của Chủ tịch Hồ Chí Minh: nghĩ cho cùng, vấn đề tư pháp cũng như mọi vấn đề khác, là vấn đề ở đời và làm người, và: các phán quyết của Tòa án phải "thấu tình đạt lý".

Nhà nước pháp quyền XHCN với một hệ thống pháp luật hoàn chỉnh và mang tính khả thi cao, với ý thức thượng tôn pháp luật của tất cả các thành viên trong xã hội; với một bộ máy nhà nước tinh gọn hoạt động hiệu lực, hiệu quả; quản lý xã hội bằng pháp luật kết hợp với các quy phạm xã hội khác (phong tục, tập quán, quy tắc tôn giáo...) nhằm đạt hiệu quả quản lý cao nhất; với một đội ngũ cán bộ công chức tận tụy vì dân, có trách nhiệm cao với đời sống của nhân dân sẽ là những tiền đề lý tưởng cho việc nâng cao chất lượng hoạt động tư pháp, trong đó có chất lượng áp dụng các biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án nhân dân.

Áp dụng các biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án nhân dân của Tòa án phải thấu suốt quan điểm vì dân, vì quyền và lợi ích chính đáng của nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản; không ngừng mở rộng và bảo đảm tính dân chủ trong hoạt động tư pháp. Tổ chức và hoạt động của các cơ quan tư pháp phải thể hiện ngày càng đậm nét tính nhân dân sâu sắc. Các cơ quan nhà nước nói chung và cơ quan tư pháp, trong đó có cơ quan TAND, được hình thành từ việc thực hiện nguyên tắc Nhà nước Cộng hòa XHCN Việt Nam là của dân, do dân, vì dân, tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân. Do đó, trong hoạt động thực thi chức năng nhiệm vụ được giao, cơ quan Tòa án và các cơ quan tư

pháp phải luôn mở rộng và nâng cao tính dân chủ đúng theo đường lối của Đảng, Hiến pháp và pháp luật của Nhà nước. Mọi biểu hiện xa rời nhân dân; không chăm lo bảo vệ các quyền tự do, dân chủ của công dân, quay lưng lại với nỗi lo lắng và sự đau khổ của nhân dân... đều xa lạ với bản chất Nhà nước pháp quyền XHCN của dân, do dân và vì dân.

Nhà nước pháp quyền XHCN thống nhất về quyền lực nhà nước, có sự phân công, phối hợp chặt chẽ giữa quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp. Trong bộ máy nhà nước ta, TAND có vị trí quan trọng. Đây là cơ sở pháp lý để xác định vị trí quan trọng của TAND trong hệ thống các cơ quan tư pháp. Vị trí này xuất phát từ "tính hệ thống và tính chỉnh thể của hệ thống tư pháp bản thân chúng đã cho thấy rõ vai trò trung tâm của Tòa án (khâu xét xử) trong hệ thống tư pháp". Tòa án là cơ quan nhân danh nước Cộng hòa XHCN Việt Nam thực hiện chức năng xét xử nhằm bảo vệ công lý, công bằng xã hội, có vai trò đặc biệt trong tiến trình xây dựng nhà nước pháp quyền. Việc áp dụng pháp luật chính xác Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 và Pháp lệnh số 09 năm 2014 về trình tự, thủ tục xem xét, quyết định các biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án nhân dân của Tòa án góp phần quan trọng trong việc bảo vệ các quyền và lợi ích chính đáng, hợp pháp của công dân, tích cực đấu tranh phòng chống tội phạm và vi phạm pháp luật, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, tạo môi trường thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội.

Vì vậy các trình tự, thủ tục xem xét áp dụng các biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án nhân dân phải hết sức dân chủ, minh bạch, tạo điều kiện thuận lợi tối đa cho công dân tham gia phiên họp, bảo vệ các quyền và lợi ích chính đáng, hợp pháp của mình cũng như giám sát hoạt động áp dụng các biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án nhân dân xét xử của Tòa án.

3.1.1.2. Hiệu quả, thiết thực trong áp dụng các biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án nhân dân để đáp ứng yêu cầu bảo vệ an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, bảo vệ các quyền con người và hội nhập quốc tế

Trong hệ thống các cơ quan tư pháp Việt Nam, Tòa án được xác định là trung tâm của nền tư pháp và với kể từ ngày 01.01.2014 Đảng và Nhà nước ta chuyển giao cho Tòa án thực hiện công tác áp dụng các biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án nhân dân thì việc nâng cao chất lượng hoạt động áp dụng các biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án nhân dân của Tòa án được coi là khâu đột phá của quá trình cải cách tư pháp. Tòa án là nơi thể hiện rõ nhất nguyên tắc dân chủ và bình đẳng. Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án nhân dân là kết quả của quá trình xem xét trình tự, thủ tục từ khi lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp xử lý hành chính cho đến khi Tòa án áp dụng biện pháp xử lý hành chính. Đòi hỏi hoạt động ADPL của Tòa án phải chính xác, khách quan, đúng người, đúng pháp luật, góp phần duy trì trật tự xã hội, thu hút đầu tư, thúc đẩy kinh tế xã hội phát triển.

Bên cạnh những thành tựu to lớn, hội nhập quốc tế, sự phát triển mạnh mẽ của nền kinh tế thị trường mang nhiều hậu quả tiêu cực, làm gia tăng tình hình vi phạm pháp luật và tội phạm. Đặc biệt trong điều kiện mặt bằng dân trí và trình độ hiểu biết pháp luật của đại bộ phận dân cư chưa cao, những tác động này càng dễ phát triển và lây lan trên diện rộng. Đó là lối sống thực dụng, xa lạ với nền văn hóa, phong tục tập quán và những giá trị đạo đức truyền thống tốt đẹp của dân tộc. Một bộ phận không nhỏ trong số đó luôn coi giá trị đồng tiền là trên hết, vì đồng tiền họ sẵn sàng chà đạp lên tất cả, sẵn sàng làm bất cứ việc gì, miễn là kiếm được tiền kể cả phạm tội, như: Buôn bán ma túy, trộm cắp, cướp giật, lừa đảo..., thậm chí chém, giết thuê. Trong khi đó, công tác quản lý nhà nước về an ninh trật tự chưa đáp ứng được yêu cầu, còn bị động, đối phó, nhất là trong giải quyết các vấn đề phức tạp và bức xúc của xã hội mới nảy sinh. Công tác đấu tranh vi phạm pháp luật và tội phạm còn yếu, chưa phát huy được sức mạnh của toàn xã hội tham gia vào hoạt động này.

Nước ta đang trong quá trình chuyển đổi, thực hiện những bước đi đầu tiên của phát triển kinh tế thị trường, đa dạng các hình thức sở hữu, nhiều thành

phần kinh tế cùng cạnh tranh phát triển. Pháp luật về lĩnh vực quản lý xã hội, quản lý an ninh trật tự còn chưa hoàn thiện, thiếu đồng bộ và có nhiều sơ hở đã tác động xấu đến ý thức chấp hành pháp luật, đến nếp sống tự do vô kỷ luật của một bộ phận dân cư.

Bối cảnh và thực trạng trên cho thấy, để bảo đảm và duy trì an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, bảo vệ lợi ích của nhà nước, bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, giải quyết mối quan hệ hài hòa giữa lợi ích của cá nhân và cộng đồng, giữa các cá nhân với nhau, đấu tranh phòng chống vi phạm pháp luật và tội phạm có hiệu quả đòi hỏi hoạt động tư pháp nói chung, hoạt động áp dụng các biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án nhân dân nói riêng phải ngang tầm với nhiệm vụ mà xã hội đang đặt ra.

3.1.2. Minh bạch trong áp dụng các biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án nhân dân

Những năm qua, các ngành Tòa án nói chung và Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre nói riêng đã thực hiện nhiều giải pháp để đổi mới các thủ tục hành chính tư pháp như: đổi mới các quy trình, thủ tục tiếp nhận và thụ lý hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án nhân dân, xử lý công văn, đơn khởi kiện, hồ sơ kháng cáo, kháng nghị, hồ sơ do viện kiểm sát chuyển đến, đơn khiếu nại quyết định tố tụng, hành vi tố tụng, đơn đề nghị giám đốc thẩm, tái thẩm... Bên cạnh đó, các tòa án tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động, công khai minh bạch các hoạt động của tòa án... như công khai bản án, quyết định của Tòa án, trong đó đã công khai 50 quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án nhân dân trên trang thông tin điện của Tòa án. Mô hình cải cách hành chính tư pháp “một cửa” tại các TAND cấp tỉnh và cấp huyện mặc dù đã thể hiện nhiều ưu điểm quá trình áp dụng mô hình “Cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông” tại TAND tỉnh Bến Tre đã khắc phục việc chậm chuyển hồ sơ, bản án, quyết định, thông báo thụ lý, lệnh tạm giam; công tác tiếp nhận và xử lý các đơn, thư kháng cáo, kháng nghị, đơn thư khiếu nại được giải quyết nhanh chóng, kịp thời... Ngoài ra, TAND tỉnh Bến Tre

đã lắp đặt các kiốt thông tin tại TAND hai cấp, nhằm tạo điều kiện cho cá nhân, tổ chức nắm bắt các thông tin liên quan đến hoạt động của TAND cũng như kết quả giải quyết các công việc tại tòa án. Tuy nhiên, dù đạt được một số kết quả nhất định nhưng việc triển khai thực hiện công tác cải cách hành chính tư pháp trong thời gian qua tại Tòa án nhân dân hai cấp tỉnh Bến Tre chưa đồng đều và còn hạn chế, chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu đặt ra. Vì vẫn mang tính chất thử nghiệm, chưa trở thành quy định chung mang tính bắt buộc đối với các tòa án. Bên cạnh đó cũng xuất phát do những khó khăn phát sinh trong việc ứng dụng công nghệ thông tin tại tòa án như việc tin học hóa trong hoạt động hành chính làm tăng chi phí an ninh vì phải có các biện pháp bảo mật để chống lại sự tấn công, xâm nhập, ăn cắp dữ liệu của các hacker, tăng chi phí do thường xuyên cập nhật, nâng cấp hệ thống tin học để thích ứng với công nghệ hiện đại.

Do vậy theo học viên trong thời gian tới Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre cần có biện pháp tăng cường an ninh, bảo mật và cắt giảm chi phí thường xuyên để cập nhật, nâng cấp đối với hệ thống tin học và nhất cần tập trung thực hiện chỉ đạo của Chánh án TAND tối cao tại Hội nghị trực tuyến tổng kết công tác cải cách thủ tục hành chính tư pháp năm 2016: *“Việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ cải cách thủ tục hành chính tư pháp tại các tòa án trong giai đoạn hiện nay là một trong những nhiệm vụ cấp bách, có ý nghĩa rất quan trọng trong việc nâng cao chất lượng công tác tòa án nói chung và chất lượng phục vụ người dân khi có việc yêu cầu tòa án giải quyết nói riêng, nhằm xây dựng tòa án công khai, minh bạch, thân thiện, gần dân, phục vụ nhân dân”*. Trong thời gian tới, các đơn vị trong ngành cần chú ý tập trung đầu tư xây dựng các trang thông tin điện tử, các kiốt điện tử cho tòa án để công khai, minh bạch các trình tự, thủ tục tại tòa án; thiết lập các đầu mối, địa chỉ, số điện thoại để người dân liên hệ, truy cập tìm hiểu thông tin về quá trình giải quyết công việc của mình tại tất cả các tòa án, đồng thời tạo điều kiện cho các cơ quan, tổ chức và cá nhân cung cấp thông tin, kiến nghị, phản ánh về các vấn đề có liên quan đến hoạt động của tòa án. Đồng

chí Chánh án TAND tối cao đã giao Vụ Tổng hợp hoàn thành xây dựng Đề án tòa án điện tử để có thể tiến tới triển khai tòa án điện tử vào năm 2020.

3.1.3. Xác định rõ trách nhiệm các bên liên quan trong áp dụng các biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án nhân dân

Một là, cần xác định rõ trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã trong việc lập hồ sơ để đưa người vi phạm pháp luật cần thiết phải áp dụng biện pháp xử lý hành chính.

Hai là, cần xác định rõ trách nhiệm Ủy ban nhân dân cấp huyện (Phòng Tư pháp và Phòng Lao động- Thương binh – Xã hội) trong việc kiểm tra tính hợp pháp của hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp xử lý hành chính do Ủy ban nhân dân cấp xã chuyển đến.

Ba là, cần rõ rõ trách nhiệm của Công an cấp huyện (Trưởng Công an huyện) trong việc xem xét chuyển hồ sơ đề nghị Tòa án áp dụng biện pháp xử lý hành chính.

Bốn là, cần làm rõ trách nhiệm của Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp trong việc kiểm sát hoạt động áp dụng biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án nhân dân cùng cấp.

Năm là, cần phải làm rõ trách nhiệm của Tòa án nhân dân (Thẩm phán) thụ lý giải quyết thủ tục áp dụng biện pháp xử lý hành chính.

Sáu là, cần làm rõ trách nhiệm của Tòa án nhân dân cấp tỉnh và Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh (là hai cơ quan cấp trên kiểm tra và giám sát trực tiếp hoạt động áp dụng biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án nhân dân).

Ngoài ra cần làm rõ trách nhiệm của cơ quan kiểm soát, giám sát hoạt động áp dụng biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án nhân dân gồm: Hội đồng nhân dân và Ủy ban mặt trận tổ quốc, các tổ chức Đảng, Đoàn thể ...

3.2. Giải pháp nâng cao chất lượng áp dụng các biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án nhân dân

3.2.1. Tiếp tục hoàn thiện quy định pháp luật về áp dụng các biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án nhân dân

Một là, từng bước hạn chế các đối tượng bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án nhân dân

Giảm sự quá tải của Tòa án khi phải thụ lý những vụ việc hành chính là một giải pháp có tính chất chiến lược, tiến tới xóa bỏ một số biện pháp xử lý hành chính không còn áp dụng phù hợp với đời sống xã hội.

Biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh áp dụng đối với gái mại dâm và người nghiện ma túy đến nay đã được bãi bỏ khi Quốc hội ban hành Luật Xử lý vi phạm hành chính thay thế cho Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính.

Còn đối tượng là người nghiện ma túy, Luật phòng chống ma túy năm 2000 quy định người nghiện ma túy phải bị áp dụng biện pháp cai nghiện bắt buộc (như cai nghiện tại cộng đồng, tại các cơ sở cai nghiện bắt buộc, không phải là biện pháp xử lý hành chính nữa. Về mặt chính sách hình sự, hiện nay nhà nước ta không coi người sử dụng trái phép chất ma túy là tội phạm. Như vậy, nghiện ma túy là một căn bệnh, nhà nước cần có biện pháp giúp họ cai nghiện.

Đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc - một biện pháp xử lý hành chính, có thể nói là nghiêm khắc nhất trong các biện pháp xử lý hành chính, cũng có thể nghiên cứu loại bỏ, các đối tượng đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc cần được xử lý theo đúng bản chất vốn có của họ. Vì, đối tượng bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc là những người đã thành niên, có nhân thân phức tạp, phần lớn là lưu manh chuyên nghiệp, côn đồ hung hãn, nhiều đối tượng đã từng tham gia băng nhóm tội phạm, hoạt động theo kiểu "xã hội đen", có nhiều tiền án, tiền sự hoạt động phạm pháp nhiều lần, chủ yếu là trộm cắp, lừa đảo, cướp tài sản, gây thương tích, gây rối trật tự công cộng... Với nhân thân như vậy mà thực hiện hành vi phạm pháp như trộm cắp, cướp giật tài sản, gây thương tích, gây rối trật tự công cộng thì hoàn toàn có thể xử lý hình sự... Theo Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2018), các tội trộm cắp, lừa đảo, hủy hoại tài sản... tuy chưa đủ định lượng để cấu thành tội phạm nhưng đối tượng đã bị xử lý hành

chính hoặc có án tích về các tội chiếm đoạt thì vẫn bị truy cứu trách nhiệm hình sự [36].

Hai là, tăng cường mối quan hệ giữa Tòa án nhân dân và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong áp dụng các biện pháp xử lý hành chính đối với hành vi vi phạm pháp luật tại Tòa án nhân dân

Việc áp dụng các biện pháp xử lý hành chính có sự tham gia của nhiều tổ chức, cơ quan, cá nhân với vai trò khác nhau, bao gồm: Viện kiểm sát, Kiểm sát viên; cơ quan đề nghị như Phòng lao động thương binh và xã hội cấp huyện, Công an huyện, phòng tư pháp cấp huyện; người có trách nhiệm chuyển giao bản án, quyết định, giấy triệu tập, giấy mời và các giấy tờ khác của Tòa án; Pháp luật đã quy định rõ nghĩa vụ của những cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan từ quy trình xây dựng hồ sơ, thẩm định hồ sơ đến chuyển giao hồ sơ đề nghị áp dụng các biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án nhân dân giải quyết theo thẩm quyền. Vì thế, cần tăng cường mối quan hệ giữa Tòa án nhân dân và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong giải quyết áp dụng các biện pháp xử lý hành chính, nhưng vẫn phải đảm bảo tính độc lập của từng cơ quan trên cơ sở quy định của pháp luật.

3.2.2. Cải cách thủ tục trong áp dụng các biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án nhân dân

Quy trình lập hồ sơ tại cơ quan hành chính gồm các giai đoạn: lập hồ sơ đề nghị, kiểm tra hồ sơ và chuyển hồ sơ đến Tòa án nhân dân. Về cơ bản, học viên nhận thấy Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 đã quy định chi tiết các giai đoạn của quy trình lập hồ sơ. Tuy nhiên, một số nội dung cần được quy định chi tiết như:

- Xác định độ tuổi của người bị đề nghị áp dụng các biện pháp xử lý vi phạm hành chính.
- Xác định thời điểm tiến hành lập hồ sơ đối với đối tượng có hành vi vi phạm 02 lần trở lên trong 6 tháng.

Theo các Điều 90, 92, 94 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 [30], cơ quan có thẩm quyền lập hồ sơ đối với người từ đủ 14 tuổi đến dưới 18 tuổi 02 lần trở lên trong 06 tháng có hành vi trộm cắp, lừa đảo, đánh bạc, gây rối trật tự công cộng mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự và người từ đủ 18 tuổi trở lên thực hiện hành vi xâm phạm tài sản của cơ quan, tổ chức; tài sản, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của công dân hoặc người nước ngoài; vi phạm trật tự, an toàn xã hội 02 lần trở lên trong 06 tháng nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự được tiến hành khi nào, có nghĩa là các hành vi vi phạm này đã bị xử phạt hành chính hay chưa, vi phạm lần thứ hai đã bị lập hồ sơ hay là vi phạm lần thứ ba mới lập. Theo học viên, nên quy định rõ những hành vi này trước đó đã bị xử phạt hành chính và chỉ lập hồ sơ khi trong 06 tháng người vi phạm đã bị xử phạt 02 lần mà vẫn tiếp tục vi phạm.

3.2.3. Nâng cao năng lực áp dụng pháp luật của Thẩm phán trong áp dụng các biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án nhân dân

3.2.3.1. Đổi mới công tác tổ chức, cán bộ, nâng cao ý thức chính trị, đạo đức nghề nghiệp, trình độ năng lực chuyên môn của Thẩm phán

Để bảo đảm chất lượng của hoạt động áp dụng biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án nhân dân, việc đổi mới công tác tổ chức cán bộ có ý nghĩa hết sức quan trọng. Bởi suy cho cùng công tác cán bộ là yếu tố con người - chủ thể trực tiếp áp dụng biện pháp xử lý hành chính. Sinh thời chủ tịch Hồ Chí Minh đã căn dặn: *"Cán bộ là cái gốc của mọi công việc, công việc thành công hay thất bại đều do cán bộ tốt hay kém"*.

Chủ thể trực tiếp áp dụng các biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án nhân dân của Tòa án nhân dân là Thẩm phán, Thẩm phán là người thụ lý hồ sơ, điều hành phiên họp và là người ra quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính - là người có vai trò đặc biệt quan trọng trong việc bảo đảm chất lượng áp dụng biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án nhân dân.

+ Trình độ năng lực của Thẩm phán là yếu tố trực tiếp quyết định đến chất lượng áp dụng các biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án nhân dân.

Vì vậy cần phải tập trung xây dựng đội ngũ Thẩm phán có chuyên môn hóa cao, là những chuyên gia giỏi cả về lý luận và thực tiễn. Quá trình tuyển chọn này phải được sàng lọc và chứng minh từ thực tế, từ chất lượng, được sự đánh giá cao của đồng nghiệp, cấp trên và kể cả cơ quan tố tụng khác, Luật sư, ..., kịp thời phát hiện những công chức, Thẩm phán có năng khiếu, năng lực sở trường về áp dụng các biện pháp xử lý hành chính để giúp đỡ, bồi dưỡng, đào tạo chuyên sâu về lĩnh vực xử lý vi phạm hành chính.

Sớm hoàn thiện các quy định về tuyển chọn, bổ nhiệm Thẩm phán. Ngoài tiêu chuẩn theo quy định hiện hành cần phải kết hợp với đánh giá hiệu quả công tác, năng lực thực tiễn. Để có được năng lực thực tiễn thì ngoài bằng cấp, chứng chỉ nghề (lý thuyết) thì đòi hỏi người muốn làm thẩm phán phải nỗ lực rất lớn trong quá trình công tác hàng ngày để tích lũy những tri thức cần phải có của người Thẩm phán, như kỹ năng áp dụng các biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án nhân dân, kỹ năng xét xử, kinh nghiệm áp dụng pháp luật, hiểu biết xã hội, am hiểu tâm lý, văn hóa... Trước khi bổ nhiệm hoặc tái bổ nhiệm cần tổ chức thi tuyển nghiệp vụ hoặc 05 năm 01 lần tổ chức thi sát hạch với toàn thể đội ngũ Thẩm phán để sàng lọc những Thẩm phán trình độ chuyên môn nghiệp vụ kém. Việc thi tuyển hoặc thi sát hạch phải hết sức khách quan, công bằng, thông qua việc xử lý các tình huống cụ thể mà quá trình áp dụng pháp luật đòi hỏi người Thẩm phán phải giải quyết.

Nâng cao trình độ chuyên môn, lý luận chính trị, ngoại ngữ, tin học cho đội ngũ Thẩm phán. Có chính sách khuyến khích Thẩm phán tích cực học tập để nâng cao trình độ của mình, đáp ứng với nhiệm vụ được giao. Kịp thời cập nhật các văn bản pháp luật chuyên ngành, văn bản pháp luật liên quan lên website của ngành để Thẩm phán, công chức thuận lợi tra cứu, cập nhật văn bản mới. Thường xuyên tổ chức tập huấn, hội thảo các chuyên đề về luật xử lý vi phạm hành chính, luật hình sự, luật tố tụng hình sự và kỹ năng nghiệp vụ. Tổ chức các phiên họp mẫu, yêu cầu các Thẩm phán khác dự và đóng góp ý kiến. Phiên họp

mẫu có thể do Thẩm phán có kinh nghiệm, nghiệp vụ và kỹ năng áp dụng các biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án nhân dân tốt thực hiện cho các Thẩm phán khác học tập, cũng có thể do Thẩm phán ít kinh nghiệm, nghiệp vụ và kỹ năng áp dụng các biện pháp xử lý hành chính chưa tốt thực hiện để mọi người tham dự góp ý, rút kinh nghiệm.

Tổ chức phân tích, đánh giá, rút kinh nghiệm kịp thời đối với những vụ việc bị Viện kiểm sát kiến nghị do lỗi chủ quan của Thẩm phán. Tìm ra nguyên nhân dẫn đến bị kiến nghị để không vướng phải những lỗi ấy ở các vụ việc tiếp theo.

Đối với Thẩm phán, ngoài trình độ chuyên môn nghiệp vụ cần có trình độ cử nhân chính trị hoặc cao cấp lý luận chính trị để có bản lĩnh chính trị vững vàng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ xét xử. Phấn đấu 100% các Thẩm phán được học cử nhân hoặc cao cấp lý luận chính trị.

Trong xu thế hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, đòi hỏi người Thẩm phán phải biết ngôn ngữ quốc tế (phổ biến nhất là tiếng Anh), để có thể tham khảo pháp luật quốc tế, pháp luật và kinh nghiệm áp dụng các biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án nhân dân của các nước phát triển trên thế giới. Tham gia hội thảo quốc tế và thuận lợi hơn trong việc sử dụng, khai thác các thông tin từ internet để phục vụ công tác áp dụng các biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án nhân dân.

+ Đãi ngộ thỏa đáng và sử dụng hợp lý đội ngũ Thẩm phán

Để có một quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính "thấu tình đạt lý" đòi hỏi người Thẩm phán phải hội tụ rất nhiều yếu tố để đáp ứng yêu cầu này. Khi tổ chức phiên họp Thẩm phán phải chịu rất nhiều áp lực từ dư luận xã hội, từ những người tham gia phiên họp, thậm chí từ những người có chức vụ quyền hạn, yêu cầu của pháp luật..., đòi hỏi người Thẩm phán phải có trí tuệ, bản lĩnh, đạo đức nghề nghiệp, khả năng phân tích, đánh giá, nhận định, lập luận sắc sảo, thuyết phục. Lao động của Thẩm phán là lao động đặc thù cần có chế độ

đãi ngộ tương xứng, đủ nuôi sống bản thân và gia đình, vượt qua cám dỗ vật chất tiêu cực. Chỉ khi mức lương của Thẩm phán đáp ứng được nhu cầu cuộc sống của bản thân và gia đình thì họ mới yên tâm công tác, đầu tư thời gian nghiên cứu pháp luật, nghiên cứu hồ sơ vụ việc, hạn chế bị ảnh hưởng bởi các yếu tố tiêu cực, vô tư, khách quan trong việc áp dụng biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án nhân dân.

Bố trí biên chế Thẩm phán và công chức khác tương xứng với nhu cầu công việc để có điều kiện trả lương thỏa đáng với Thẩm phán, cần khắc phục tình trạng Thẩm phán phải thụ lý nhiều hồ sơ quá hoặc có Thẩm phán lại không thụ lý hồ sơ nào. Sớm chuyển đổi chế độ tiền lương từ chế độ chức nghiệp sang chế độ việc làm đối với bộ máy nhà nước, trong đó có Thẩm phán. Thực hiện chế độ khen thưởng bằng vật chất tương xứng với hiệu quả công tác, chất lượng, số lượng các vụ việc áp dụng biện pháp xử lý hành chính hàng năm. Xây dựng các danh hiệu như Thẩm phán nhân dân, Thẩm phán ưu tú... để xã hội tôn vinh những Thẩm phán mẫu mực.

Phân công nhiệm vụ phù hợp với trình độ và năng lực thực tế của từng Thẩm phán. Việc sắp xếp, bố trí, phân công nhiệm vụ đối với Thẩm phán phải căn cứ vào trình độ chuyên môn, kinh nghiệm xét xử, sở trường công tác của mỗi Thẩm phán. Đồng thời có cơ chế tạo áp lực để Thẩm phán phải luôn cố gắng hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, thay thế những Thẩm phán không đáp ứng được yêu cầu như: ra quyết định áp dụng các biện pháp xử lý hành chính trái quy định của pháp luật... Kỷ luật nghiêm những Thẩm phán thiếu tinh thần trách nhiệm phục vụ nhân dân, dọ nạt, vòi vĩnh, đòi hỏi lộ...

Việc luân chuyển Thẩm phán chỉ nên đặt ra đối với Thẩm phán là nguồn bổ nhiệm chánh án Tòa án, vì chánh án là người lãnh đạo cơ quan Tòa án, chịu trách nhiệm phân công tổ chức hoạt động xét xử của Tòa án, đòi hỏi phải có năng lực chuyên môn vượt trội, toàn diện và kinh nghiệm quản lý, điều hành hoạt động các loại án thuộc thẩm quyền của Tòa án, như: Hình sự, dân sự, kinh

tế, lao động, hành chính và các loại vụ việc áp dụng biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án nhân dân. Nguồn bổ nhiệm chánh án Tòa án cấp huyện nên lựa chọn Thẩm phán cấp tỉnh (Thẩm phán trung cấp) luân chuyển qua các Tòa chuyên trách trước khi bổ nhiệm chánh án cấp huyện. Các đồng chí này hoàn thành tốt nhiệm vụ sẽ là nguồn bổ nhiệm chánh án Tòa án cấp tỉnh.

+ Đẩy mạnh giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức đối với Thẩm phán và công chức Tòa án.

Phát động toàn thể Thẩm phán, công chức Tòa án tích cực học tập tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh, thực hiện tốt lời Bác Hồ dạy: "Phụng công thủ pháp, chí công vô tư". Không chỉ có đủ năng lực trình độ mà mỗi Thẩm phán cần phải tự ý thức được rằng: Quyền lực nhà nước là của nhân dân, nhân dân trao cho mình là để phụng sự tổ quốc, phục vụ nhân dân. Không được sử dụng tùy tiện quyền lực ấy hoặc để tư lợi cho mình. Người Thẩm phán phải biết vượt qua các cám dỗ, để tận tụy phục vụ nhân dân, trung thành với Tổ quốc, với chế độ, dũng cảm bảo vệ công lý, công bằng xã hội, quyền và lợi ích chính đáng hợp pháp của công dân. Mặt khác Tòa án phải kịp thời phát hiện và xử lý đối với Thẩm phán, công chức có sai phạm hoặc không đáp ứng được nhiệm vụ được giao, để xây dựng Tòa án thực sự trong sạch là chỗ dựa vững chắc của người dân.

3.2.3.2. Bảo đảm nguyên tắc khi áp dụng biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án nhân dân, Thẩm phán dân độc lập và chỉ tuân theo pháp luật

Thẩm phán nhân danh quyền lực nhà nước để phán quyết một công dân có bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án nhân dân hay không. Do vậy nguyên tắc độc lập và chỉ tuân theo pháp luật phải được đảm bảo dưới các khía cạnh sau:

Một là: Độc lập với những yếu tố khách quan tác động từ bên ngoài Tòa án như tác động của cơ quan, tổ chức (Công an, Viện kiểm sát, Phòng Lao động - Thương binh - Xã hội...), hoặc tác động của những người tham gia phiên họp

(như Kiểm sát viên, người đại diện Phòng Lao động - Thương binh - Xã hội, người đề nghị - người bị đề nghị áp dụng biện pháp xử lý hành chính, luật sư...).
Dư luận xã hội, thông tin trước phiên họp của các cơ quan thông tin đại chúng cũng là những yếu tố tác động đến sự độc lập của Thẩm phán và Hội thẩm.

Hai là: Độc lập từ các yếu tố khách quan tác động từ bên trong các mối quan hệ nội bộ của Tòa án. Độc lập giữa Tòa án cấp dưới với Tòa án cấp trên, độc lập trong nội bộ một Tòa án, giữa Thẩm phán với Chánh án. Cần phải tách bạch giữa quan hệ hành chính với quan hệ tố tụng. Đề cao trách nhiệm của bản thân đối với phán quyết của mình, tránh việc ỷ lại đường lối của tập thể, của Tòa án cấp trên hoặc phụ thuộc vào quan điểm của cơ quan, tổ chức khác, bảo đảm tính độc lập của Thẩm phán khi điều khiển phiên họp chỉ tuân theo pháp luật.

3.2.4. Các giải pháp dành riêng cho tỉnh Bến Tre

- Cần tiếp tục nâng cao tinh thần trách nhiệm, tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật, tập trung trong cộng đồng dân cư và học sinh, sinh viên cách nhận tác hại của các tệ nạn xã hội như ma túy, cờ bạc, mại dâm vì thực tế khi mắc vào các tệ nạn xã hội rất dễ dẫn đến việc vi phạm pháp luật như trộm cắp, lừa đảo, đánh nhau gây thương tích; còn đối với những trường hợp đã được áp dụng biện pháp xử lý hành chính, sau khi họ chấp hành xong trở về với địa phương với gia đình thì cần phải giáo dục quan tâm tạo điều kiện để họ tránh mặc cảm, không sống buông thả và có chí hướng phấn đấu để làm lại cuộc đời; bên cạnh đó cũng cần phải tuyên truyền để người dân không phát sinh thêm những tệ nạn xã hội mới, không có thêm người nghiện mới tại các địa phương; đồng thời, tăng cường quản lý, giáo dục, can thiệp, trợ giúp đối với số người nghiện tham gia đợt vận động cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng vừa qua, không để họ tái nghiện sau khi đã cắt cơn, giải độc.

- Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre cần sớm ban hành Quy chế phối hợp giữa ngành Tòa án - Viện kiểm sát - Công an - Sở Lao động thương binh xã hội và các tổ chức đoàn thể ở các cấp nhằm tăng cường công tác phối hợp lập hồ sơ và

kiểm tra tính pháp lý của hồ sơ áp dụng biện pháp các biện pháp xử lý hành chính nói chung và áp dụng biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án nhân dân nói riêng .

- Ngành Công an tỉnh Bến Tre cần phối hợp với các huyện, thành phố, thị xã và cấp cơ sở thường xuyên rà soát, thống kê về đối tượng ma túy, mại dâm, cờ bạc, có tiền án, tiền sự ... trên địa bàn tỉnh. Từ đó, có các giải pháp nghiệp vụ nhằm phòng ngừa, ngăn chặn, xử lý có hiệu quả các hành vi phạm pháp luật nói chung và các hành vi phạm pháp luật hành chính nói riêng trên địa bàn tỉnh Bến Tre.

- Cần đẩy mạnh việc chuyển đổi các cơ sở cai nghiện bắt buộc, trường giáo dưỡng và cơ sở giáo dục bắt buộc; đồng thời nâng cao chất lượng dịch vụ và có chính sách hỗ trợ để thu hút người nghiện vào cai nghiện tự nguyện. Kiện toàn, củng cố tổ chức, cơ sở vật chất, bổ sung chức năng, nhiệm vụ của Trung tâm Giáo dục - Chữa bệnh - Lao động xã hội thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, đảm bảo yêu cầu tổ chức cai nghiện tự nguyện và cai nghiện bắt buộc đối với các đối tượng nghiện ma túy trên địa bàn tỉnh; thực hiện việc tiếp nhận, quản lý, điều trị ban đầu đối với đối tượng sử dụng trái phép chất ma túy không có nơi cư trú ổn định trong thời gian chờ xác định tình trạng nghiện ma túy. Quan tâm hơn nữa đến việc đầu tư cơ sở, vật chất, chế độ sinh hoạt, ăn uống của người nghiện đang chữa bệnh tại cơ sở cai nghiện bắt buộc.

- Tổ chức đánh giá công tác cai nghiện tại gia đình, cai nghiện tại cộng đồng và quản lý sau cai nghiện. Hướng tới nên có sự hướng dẫn rèn luyện thân thể khoẻ mạnh, tạo công ăn việc làm cho lao động, không phân biệt đối xử, giúp đỡ người đã cai nghiện về trở thành người tốt.

- Ngành Y tế tỉnh Bến Tre cần nghiên cứu hướng dẫn chẩn đoán và điều trị các chất ma túy hiệu quả nhất và đơn giản dễ thực hiện, phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương; Xây dựng tài liệu và đào tạo tập huấn cho cán bộ y tế cấp xã về chẩn đoán nghiện, chuẩn đoán những bệnh xã hội có nguồn gốc do tệ nạn

mại dâm. Bố trí kinh phí hỗ trợ địa phương, hỗ trợ điều trị nghiện ma túy tại cộng đồng theo Đề án Đổi mới công tác cai nghiện ma túy; Thành lập các Điểm tư vấn, chăm sóc, hỗ trợ điều trị nghiện tại cộng đồng gắn với việc cấp phát hoặc bán thuốc cho người điều trị nghiện

Kết luận chương 3

Từ việc nghiên cứu cơ sở lý luận và thực trạng áp dụng các biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án nhân dân ở tỉnh Bến Tre giai đoạn từ năm 2014 đến năm 2017 ở chương 1 và chương 2, chương 3 của luận văn đã đưa ra những định hướng bảo đảm áp dụng các biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án nhân dân ở tỉnh Bến Tre trong thời gian tới, phân tích chỉ ra những yêu cầu khách quan đối với việc đảm bảo áp dụng các biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án nhân dân ở tỉnh Bến Tre.

Trên cơ sở đó, nội dung chương 3 của luận văn đưa ra những giải pháp (Gồm những giải pháp chung và những giải pháp cụ thể) nhằm đảm bảo áp dụng các biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án nhân dân ở tỉnh Bến Tre trên các phương diện cơ bản như: Tiếp tục hoàn thiện quy định pháp luật về áp dụng các biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án nhân dân; cải cách thủ tục trong áp dụng các biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án nhân dân; Nâng cao năng lực áp dụng pháp luật của thẩm phán trong áp dụng các biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án nhân dân và các giải pháp riêng của tỉnh Bến Tre.

KẾT LUẬN

Cải cách tư pháp là quá trình đổi mới toàn diện hệ thống tư pháp mà Tòa án là trung tâm, trong đó chú trọng việc đảm bảo áp dụng biện pháp xử lý hành chính và coi đây là khâu đột phá của hoạt động tư pháp. Để nâng cao hiệu quả áp dụng các biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án nhân dân, phát huy tối đa mặt tích cực của Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012, luận văn đã nghiên cứu sâu sắc cả về mặt lý luận và thực tiễn của hoạt động áp dụng các biện pháp xử lý hành chính nói chung và hoạt động áp dụng các biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án nhân dân ở địa phương tỉnh Bến Tre nói riêng.

Với mục đích đi sâu tìm hiểu thực trạng về áp dụng các biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án nhân dân ở tỉnh Bến Tre giai đoạn từ năm 2014 đến năm 2017, để qua đó đề xuất những giải pháp nhằm đảm bảo áp dụng các biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án nhân dân ở tỉnh Bến Tre. Luận văn đã nêu và phân tích cơ sở lý luận như khái niệm; đặc điểm; nội dung về các biện pháp xử lý hành chính nói chung và các biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án nhân dân nói chung riêng; đã phân tích các điều kiện bảo đảm thực hiện áp dụng các biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án nhân dân; đã phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến áp dụng các biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án nhân dân; nêu vị trí địa lý – điều kiện tự nhiên – xã hội và tình hình vi phạm pháp tội phạm trên địa bàn tỉnh Bến Tre trong giai đoạn từ năm 2014 đến năm 2017; thực trạng về tổ chức bộ máy cán bộ và đội ngũ Thẩm phán ngành Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre. Đặc biệt luận văn đã phân tích rõ thực trạng áp dụng các biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án nhân dân ở tỉnh Bến Tre, để qua đó chỉ ra được những thành công đạt được và những hạn chế tồn tại của vấn đề này, đồng thời chỉ ra những nguyên nhân cơ bản của những thành công đã đạt được và những nguyên nhân cơ bản của những hạn chế.

Với thực trạng áp dụng các biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án nhân dân ở tỉnh Bến Tre giai đoạn từ năm 2014 đến năm 2017, luận văn đưa ra những

giải pháp đảm bảo áp dụng các biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án nhân dân ở tỉnh Bến Tre. Các giải pháp này có cơ sở thuyết phục, có ý nghĩa quan trọng cả về lý luận và thực tiễn. Việc thực hiện đầy đủ các giải pháp này sẽ đảm bảo áp dụng các biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án nhân dân ở tỉnh Bến Tre, góp phần to lớn trong công tác đấu tranh, phòng chống vi phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Bến Tre.

Luận văn này là tài liệu dùng để tham khảo trong quá trình thực hiện đổi mới về vấn đề áp dụng các biện pháp xử lý hành chính nói chung và trong vấn đề áp dụng các biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án nhân dân nói riêng, đặc biệt dùng nhằm đảm bảo áp dụng các biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án nhân dân ở tỉnh Bến Tre. Qua đó góp phần hoàn thành những nhiệm vụ, mục tiêu quan trọng của ngành Tòa án nói riêng và của công cuộc cải cách tư pháp nói chung.

Với phạm vi của luận văn cũng như trình độ nhận thức của bản thân, học viên trình bày về cơ sở lý luận, thực trạng áp dụng các biện pháp xử lý hành chính củ tại Tòa án nhân dân ở tỉnh Bến Tre trong những giới hạn nhất định, chắc chắn luận văn còn có những thiếu sót, hạn chế nên học viên rất mong sự đóng góp ý kiến của các nhà khoa học, thầy cô giáo và các bạn đồng nghiệp.

Xin chân thành cảm ơn./.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đào Thu An (2011), *“Biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh trong Dự thảo Luật xử lý vi phạm hành chính”*, Tạp chí Nghiên cứu lập pháp (số 20), tr.48.
2. Nguyễn Ngọc Bích (2003), *“Hoàn thiện pháp luật về xử lý hành chính người chưa thành niên”*, Luận văn thạc sĩ luật học, trường Đại học Luật Hà Nội.
3. Nguyễn Trọng Bình (2002), *“Hoàn thiện các quy định pháp luật về các hình thức xử phạt vi phạm hành chính”*, Luận văn thạc sĩ luật học, trường Đại học Luật Hà Nội.
4. Bộ Chính trị (2005), *Nghị quyết số 48-NQ/TW ngày 24/5/2005 về “Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020”*.
5. Bộ Chính trị (2005), *Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 2/6/2005 về “Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020”*.
6. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (2013), *Giới thiệu tập huấn về tư pháp người chưa thành niên*, Nxb Lao động, Hà Nội.
7. Bộ tư pháp (2008), *“Các biện pháp xử lý hành chính khác”*, Vụ Pháp luật Hình sự - Hành chính, Đề tài nghiên cứu cấp Bộ.
8. Bộ tư pháp (2008), *“Các biện pháp xử lý hành chính khác”*, Vụ Pháp luật Hình sự - Hành chính, Đề tài nghiên cứu cấp Bộ.
9. Bộ tư pháp (2010), *“Báo cáo đánh giá về các biện pháp xử lý hành chính khác và khuyến nghị hoàn thiện trong Luật xử lý vi phạm hành chính”*, Dự án tăng cường tiếp cận quyền và bảo vệ công lý tại Việt Nam.
10. Bộ tư pháp (2011), *“Báo cáo hoàn thiện các biện pháp xử lý hành chính khác trong Luật xử lý vi phạm hành chính”*, Dự án tăng cường tiếp cận quyền và bảo vệ công lý tại Việt Nam.
11. Bộ tư pháp (2012), *“Cơ chế bảo đảm thi hành Luật xử lý vi phạm hành chính”*, Vụ Pháp luật Hình sự - Hành chính, Đề tài khoa học cấp Bộ.

12. Bộ Y tế (2007), *Quyết định 5075/QĐ-BYT ngày 12/12/2007 về việc “Hướng dẫn chẩn đoán người nghiện ma túy nhóm opiats”*.

13. Bộ Y tế (2014), *Quyết định số 3556/QĐ-BYT ngày 10/9/2014 của Bộ Y tế về việc ban hành “Hướng dẫn chuẩn đoán và điều trị các rối loạn tâm thần thường gặp do sử dụng ma túy tổng hợp Amphetamine”*

14. Chính phủ (2001), *Nghị định số 52/2001/NĐ-CP ngày 23/8/2001 về việc “Hướng dẫn thi hành biện pháp tư pháp đưa vào trường giáo dưỡng”*

15. Chính phủ (2003), *Nghị định số 76/2003/NĐ-CP ngày 27/6/2003 về “Quy định và hướng dẫn cụ thể việc áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục”*

16. Chính phủ (2003), *Nghị định số 142/2003/NĐ-CP ngày 24/11/2003 “Quy định việc Xử lý Hành chính đưa vào trường giáo dưỡng”*.

17. Chính phủ (2004), *Nghị định số 135/2004/NĐ-CP ngày 10/6/2004 về việc “Quy định chế độ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh, tổ chức hoạt động của cơ sở chữa bệnh theo Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính và chế độ áp dụng đối với người chưa thành niên, người tự nguyện vào cơ sở chữa bệnh”*.

18. Chính phủ (2009), *Nghị định số 66/2009/NĐ-CP ngày 1/8/2009 về “Quy định chế độ ăn, mặc, chăm sóc và quản lý học sinh trường giáo dưỡng”*

19. Chính phủ (2013), *Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 về “Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính”*.

20. Chính phủ (2013), *Nghị định số 221/2013/NĐ-CP ngày 30/12/2013 về việc “Quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc”*.

21. Chính phủ (2014), *Nghị định số 02/2014/NĐ-CP ngày 10/01/2014 “Quy định chế độ áp dụng, thi hành biện pháp xử lý hành chính đưa vào trường giáo dưỡng và cơ sở giáo dục bắt buộc”*.

22. Chính phủ (2017), *Nghị định số 97/2017/NĐ-CP ngày 18/8/2017 về “Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính”*.

23. Bùi Tiến Đạt (2008), *“Pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính”*, Luận văn thạc sĩ luật học, Khoa luật, Đại học Quốc gia Hà Nội.

24. Nguyễn Thị Hà (2012), *“Các biện pháp xử lý hành chính khác theo quy định của pháp luật Việt Nam hiện nay”*, Luận văn thạc sĩ luật học, Đại học Luật Hà Nội.

25. Dương Thị Bích Hạnh (2014), *“Bảo đảm quyền con người trong áp dụng các biện pháp xử lý hành chính”*, Luận văn thạc sĩ luật học, Khoa luật, Đại học Quốc gia Hà Nội.

26. Trần Thanh Hương (2005), *“Quyền công dân, quyền con người và chỗ đứng của các biện pháp xử lý hành chính trong pháp luật về vi phạm hành chính”*, Tạp chí Dân chủ và pháp luật (số 11), tr.37.

27. Hoàng Thị Kim Quế (2008), *“Về các biện pháp xử lý hành chính khác: Thực tiễn và giải pháp”*, Tạp chí Khoa học, Đại học Quốc gia Hà Nội, Kinh tế - Luật (số 24), tr.68.

28. Quốc hội (2005), *Bộ luật dân sự*, Nxb Lao động, Hà nội.

29. Quốc hội (2009), *Bộ luật hình sự (sửa đổi, bổ sung)*, Nxb Lao động, Hà Nội.

30. Quốc hội (2012), *Luật Xử lý vi phạm hành chính*, Nxb Lao động, Hà Nội.

31. Quốc hội (2012), *Nghị quyết số 23/2012/QH13 ngày 12/6/2012 về “Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2013, điều chỉnh Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2012 và nhiệm kỳ Quốc hội khóa XIII”*.

32. Quốc hội (2012), *Nghị quyết số 24/2012/QH 13 ngày 20/6/2012 về việc “Thi hành Luật xử lý vi phạm hành chính”*.

33. Quốc hội (2013), *Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, Hà Nội.

34. Quốc hội (2013), *Luật Tổ chức Tòa án nhân dân*, Hà Nội.

35. Quốc hội (2015), *Bộ luật dân sự*, Nxb Lao động, Hà nội.

36. Quốc hội (2017), *Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017)*, Nxb Lao động, Hà Nội

37. Đặng Thanh Sơn (2009), “*Các biện pháp xử lý hành chính khác và việc bảo đảm quyền con người*”, Vụ Pháp luật Hình sự - Hành chính, Bộ Tư pháp, đề tài nghiên cứu cấp Bộ.

38. Lê Ngọc Thạch (2006), “*Hoàn Thiện các biện pháp xử lý hành chính khác theo pháp luật Việt Nam*”, Viện Khoa học pháp lý Bộ Tư pháp, thông tin về chuyên đề số 1.

39. Phạm Tiến Thành (2014), “*Từ biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở chữa bệnh đến biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc*”, Luận văn thạc sĩ luật học, Khoa luật, Đại học Quốc gia Hà Nội.

40. Vũ Thư (1996), “*Chế tài hành chính – lý luận và thực tiễn*”, Luận án Phó tiến sỹ, Viện Nhà nước và Pháp luật.

41. Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre (2014-2017), *Các Báo cáo tổng kết thực tiễn thi hành các quy định của pháp luật về áp dụng Biện pháp xử lý hành chính đưa vào trường giáo dưỡng, đưa vào cơ sở giáo dục và đưa vào cơ sở chữa bệnh từ năm 2014 đến năm 2017*.

42. Tòa án nhân dân tối cao (2015), *Nghị quyết số 04/NQ-HĐTP ngày 24 tháng 12 năm 2015 của hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về “hướng dẫn thi hành một số quy định của pháp luật về xem xét, quyết định áp dụng các biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án nhân dân”*.

43. Ủy ban thường vụ Quốc hội (1995), *Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính*, Hà Nội.

44. Ủy ban thường vụ Quốc hội (2002), *Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính*, Hà Nội.

45. Ủy ban thường vụ Quốc hội (2012), *Nghị quyết số 499/NQ-UBTVQH13 ngày 29/7/2012 về “Triển khai thực hiện Nghị quyết của Quốc hội về Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2013, điều chỉnh Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2012 và nhiệm kỳ Quốc hội khóa XIII”*.

46. Ủy ban thường vụ Quốc hội (2014), *Pháp lệnh số 09/UBTVQH ngày 20 tháng 01 năm 2014 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về “Trình tự, thủ tục xem xét, quyết định áp dụng các biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án nhân dân”*, Hà Nội.

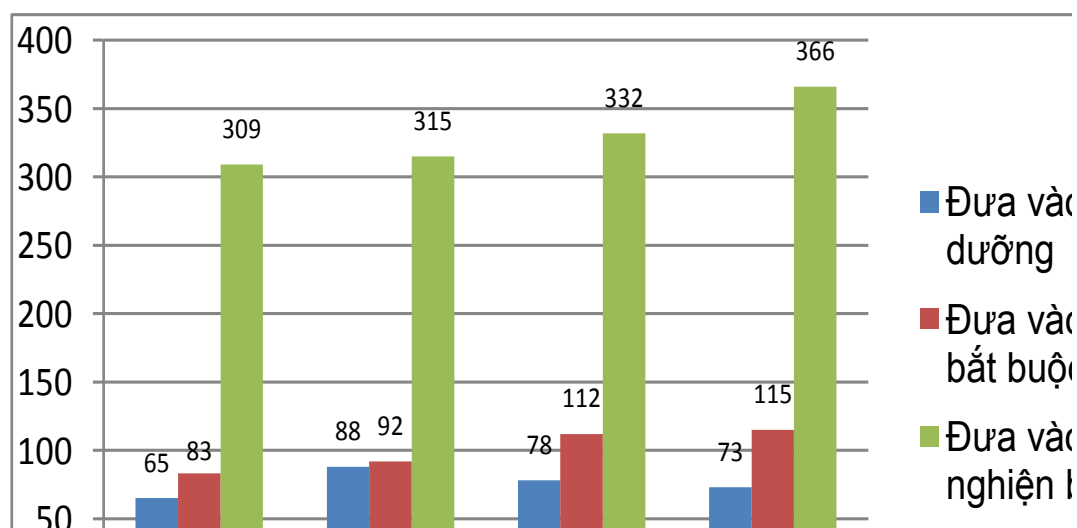
47. Viện kiểm sát nhân dân tối cao (2014), *Quyết định 566/QĐ-VKSTC-V9 ngày 14/11/2014 của Viện kiểm sát nhân dân tối cao giao nhiệm vụ cho: “Đơn vị kiểm sát việc giải quyết các vụ án HC-KDTM- LĐ và những việc khác theo quy định của pháp luật Viện kiểm sát các cấp thực hiện nhiệm vụ kiểm sát việc tuân theo pháp luật về trình tự, thủ tục xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính của Tòa án nhân dân cùng cấp từ khi tòa án thụ lý đến khi các quyết định của tòa án có hiệu lực pháp luật”*

48. Viện kiểm sát nhân dân tối cao (2015), *Hướng dẫn số 17/HD-VKSTC-V12 ngày 6/2/2015 của Vụ 12 Viện kiểm sát nhân dân tối cao hướng dẫn Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh thực hiện công tác kiểm sát khi thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính và Pháp lệnh 09*.

PHỤ LỤC

Bảng 2.1: Thống kê số người bị Tòa án nhân dân cấp huyện tỉnh Bến Tre áp dụng các biện pháp xử lý hành chính

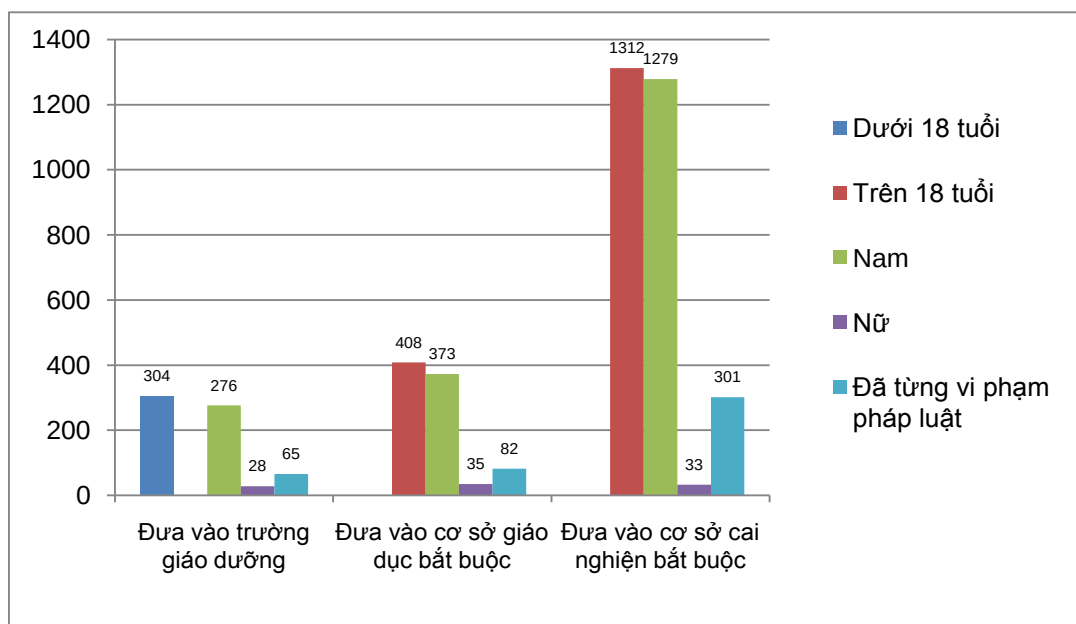
Đơn vị tính: người



Nguồn: Báo cáo của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre từ năm 2014 đến năm 2017

Bảng 2.2: Thống kê về độ tuổi và giới tính nhân thân của người bị Tòa án nhân dân cấp huyện tỉnh Bến Tre áp dụng các biện pháp xử lý hành chính

Đơn vị tính: người



Nguồn: Báo cáo của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre từ năm 2014 đến năm 2017